

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS- XD91

Địa chỉ: FB 40- Khu biệt thự thiên đường Bảo Sơn
Tel: 0989.852.209; Email: LAS_XD91@gmail.com



HỒ SƠ NĂNG LỰC

MÃ PHÒNG LAS - XD 24.003

HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

THƯ NGỎ

Thưa Quý khách hàng !

Công ty Cổ phần Kiểm định và thí nghiệm Las - XD91 tiền thân là phòng thí nghiệm thuộc Công ty cổ phần 208 một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng cầu đường hoạt động trong lĩnh vực thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình. Đến nay công ty đã được Bộ Xây Dựng công nhận là doanh nghiệp kiểm định chất lượng các công trình xây dựng. Công ty đã và đang khẳng định thương hiệu vững chắc trên thị trường xây dựng Việt Nam.

Với đội ngũ cán bộ năng động có trình độ, kinh nghiệm và năng lực cao, cùng với hệ thống quản lý chất lượng chuyên nghiệp Công ty được đánh giá là một thương hiệu uy tín và được các Chủ đầu tư trong nước tín nhiệm giao thực hiện các dự án trọng điểm, có quy mô lớn và yêu cầu cao về kỹ thuật, mỹ thuật trên toàn quốc.

“**Thương hiệu uy tín – Sản phẩm chất lượng**” là phương châm mà Công ty luôn hướng tới.

Công ty Cổ phần kiểm định và thí nghiệm công trình LAS- XD91 là một trong những đơn vị có uy tín, đã khẳng định được thương hiệu trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội và trong cả nước.

Trải qua những năm tháng xây dựng và phát triển, Công ty đã và đang ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực xây dựng, không chỉ trên địa bàn Hà Nội mà còn trên các địa bàn khác trong cả nước. Một hành trình phát triển liên tục không ngừng, Công ty đã gặt hái được nhiều thành tích đáng kể và tham gia vào nhiều dự án công trình có quy mô lớn trên địa bàn khắp các tỉnh thành.

Trong suốt quá trình hoạt động, không thể kể hết những khó khăn chông chốt cũng như những trở ngại không lường mà tập thể cán bộ công nhân viên Công ty phải vượt qua từ những ngày tháng khởi nghiệp, đổi lại đến nay công ty đã khẳng định được uy tín, vị thế, thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng. Để tồn tại trên thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt và đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường cũng như sự phát triển không ngừng của đất nước, Công ty đã xây dựng chiến lược cho riêng mình, trong đó trọng tâm là đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên; Công ty không ngừng đổi mới công nghệ, trang bị máy móc, thiết bị hiện đại, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật theo hướng hiện đại và tiên tiến. Qua đó, đã tạo được uy tín với các chủ đầu tư, đồng thời tạo được nền móng vững chắc để Công ty phát triển trong điều kiện mới.

Xã hội phát triển, Công ty cũng không ngừng đón nhận những cơ hội mới, năm 2020 là thời điểm đánh dấu bước phát triển đột phá của Công ty Cổ phần Kiểm định và thí nghiệm Las- XD91 trên một tầm cao mới, một vị thế mới. Những năm tháng hoạt động cũng là một quá trình Công ty không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lý, lực lượng lao động, đến nay Công ty đã có nhiều cán bộ, kỹ sư, chuyên gia, công nhân viên có kiến thức chuyên sâu và giàu kinh nghiệm. Công ty đã tham gia công tác tư vấn kiểm định cho nhiều công trình quy mô lớn trong và ngoài địa bàn Hà Nội. Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, nhiều doanh nghiệp xây dựng phải giải thể hoặc hoạt động đình đốn nhưng toàn thể nhân sự công ty không ngừng phấn đấu, đưa công ty ngày càng phát triển vượt bậc, khẳng định uy tín và thương hiệu đã được thị trường tin cậy và đón nhận.

Có được những kết quả trên, không chỉ có sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty mà còn là sự quan tâm, tạo điều kiện của các Bộ, ban, ngành. Nhờ

đó Công ty có thêm nhiều cơ hội để khẳng định vị thế của mình, không ngừng lớn mạnh, vươn cao, xây dựng hình ảnh doanh nghiệp có uy tín, góp phần vào sự phát triển chung của nền kinh tế và các hoạt động an sinh xã hội. Đây cũng chính là động lực để Lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Công ty tiếp tục vươn lên, gặt hái được nhiều thành tích cao hơn nữa trong thời gian tới.

Đất nước chuyển mình bước sang thời kỳ đổi mới đặt ra trước mắt Công ty nhiều cơ hội cũng như vô vàn thách thức, đòi hỏi Công ty phải nhanh chóng thay đổi công tác quản lý, tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, năng động để thích nghi, tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường có sự cạnh tranh quyết liệt; Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, đầu tư tập trung, có trọng điểm và khả thi về vốn, tiến hành phân kỳ đầu tư, đảm bảo dự án đầu tư hiệu quả, ổn định công ăn việc làm cho người lao động. Dẫu biết rằng, con đường trước mắt sẽ gặp nhiều khó khăn nhưng Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty sẽ không ngừng vươn lên những đỉnh cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra “Duy trì mức tăng trưởng hàng năm từ 150% đến 200% và định hướng đến năm 2025 sẽ trở thành một trong những doanh nghiệp tư vấn kiểm định uy tín hàng đầu trên địa bàn Hà Nội nói riêng cũng như cả nước nói chung.

Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự hợp tác, giúp đỡ của Quý vị!
Xin trân trọng cảm ơn !

PHẦN I
HỒ SƠ PHÁP LÝ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**



Mã số doanh nghiệp: 0110380273

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 06 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAS-XD 91 CONSTRUCTION TESTING AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà FB-40, Khu biệt thự Thiên Đường Bào Sơn, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn - Km8 Đại Lộ Thăng Long, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989 852 209

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 300.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐẬU THỊ PHƯƠNG THẢO Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

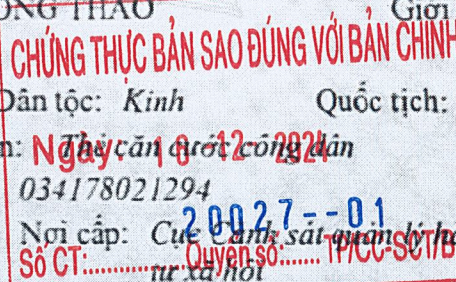
Sinh ngày: 25/01/1978 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034178021294

Ngày cấp: 25/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội



Địa chỉ thường trú: Số nhà 80, Đường Trần Cung, Tổ 13, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 80, Đường Trần Cung, Tổ 13, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



TRƯỜNG PHÒNG (



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị

Số: 03 /GCN-SXD(GĐXD)

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

BẢN SAO

Căn cứ Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội và Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016;

Căn cứ Quyết định số 3990/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực: Giám định tư pháp xây dựng; quản lý chất lượng công trình xây dựng; thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đề ngày 01/7/2023 của Công ty Cổ phần kiểm định và thí nghiệm xây dựng LAS-XD 91 (gửi Sở Xây dựng ngày 16/8/2023); Biên bản đánh giá thực tế phòng thí nghiệm ngày 25/8/2023; Văn bản số 006/CV-XD91 ngày 05/9/2023 của Công ty Cổ phần kiểm định và thí nghiệm xây dựng LAS-XD 91 (gửi Sở Xây dựng ngày 14/9/2023) về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cho Phòng thí nghiệm LAS-XD; kết quả kiểm tra đánh giá nội dung khắc phục và tài liệu bổ sung ngày 30/9/2023 của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG THỰC BAN SỞ DÙNG VỚI BAN CHÍNH

Ngày: 16-12-2024

CHỨNG NHẬN:

20028--01

1. Công ty Cổ phần kiểm định và thí nghiệm xây dựng LAS-XD 91..... TP/CC-SCT/BS

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0110380273 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 07/6/2023.

Địa chỉ: Lô FB-40 Khu biệt thự Thiên Đường Bảo Sơn, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn - Km8 Đại lộ Thăng Long, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0989.852.209

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm kiểm định và thí nghiệm chất lượng công trình

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Lô FB-40 Khu biệt thự Thiên Đường Bảo Sơn, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thiết

(Handwritten signature)

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 24.003**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần kiểm định và thí nghiệm xây dựng LAS-XD 91;
- Bộ Xây dựng; (để b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Hoàng Cao Thắng-PGD SXD;
- Lưu: VT, CCGĐXD (H.N.Duy 08b).



ẤN
ÔN
TR
XI

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.003**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số 03 /GCN-SXD(GĐXD) ngày 25 tháng 09 năm 2023)*

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THỬ CƠ LÝ CỦA XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 4030:2003; ASTM C184:1994, ASTM C188:2017, ASTM C204:2018; ASTM C115:2010; AASHTO T133:2019; AASHTO T153:2020; AASHTO T106:2017; BS EN 196:2016
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011; TCVN 5691:2000; ASTM C109:2020; ASTM C348:2021; ASTM C349:2018; AASHTO T106:2017; BS EN 196:2016
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 8876:2012; ASTM C187:2016, ASTM C191:2021, ASTM C185:2020; AASHTO T131:2020, AASHTO T129:2014; BS EN 196:2016
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Xác định độ sụt, độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143:2012; AASHTO T119:2023; EN 12350:2019
5	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138:2017; AASHTO T121:2020; EN 12350:2019
6	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232:2010; AASHTO T158:2019; EN 12350:2019; EN 480:2014
7	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
8	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022; ASTM C173:2016; ASTM C231:2010; AASHTO T152:2019; EN 12390:2019
9	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642:2021; ASTM C127:2015; EN 12390:2019
10	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022; ASTM C642:2021; ASTM C138:2017; EN 12390:2019
11	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C642:2021; ASTM C138:2017; EN 12390:2019
12	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:2022; ASTM C403:2008; ASTM C1585:2020; EN 12390:2019
13	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022; ASTM C78:2009; ASTM C157:2017; AASHTO T97:2022; AASHTO T160:2017; EN 12390:2019
14	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39:2021; ASTM C42:2020; AASHTO T22:2017; EN 12390:2019
15	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293:2016; ASTM C78:2010; AASHTO T97:2018

20

16	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C496:2017
17	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403:2017; AASHTO T197:2011
III	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
18	Thành phần cỡ hạt và modum độ lớn	TCVN 7572-2:06; TCVN 9205:12; AASHTO T27:2022, AASHTO T11:2023; BS EN 932:97; BS EN 933:2012; ASTM C136:2006; ASTM C33:2022; ISO 6274:1982
19	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T84:2022, AASHTO T85:2022; ASTM C127:2015, ASTM C128:2022, ASTM C33:2022; EN1097-6:2022
20	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; AASHTO T85:2022; ASTM C127:2015
21	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; AASHTO T19:2014; ASTM C29:2017; BS EN 1097:2022
22	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006; AASHTO T142:1993; AASHTO T255:2000; AASHTO M6:2013; ASTM C566:2019; ASTM C33:2022; BS EN 1097:2022
23	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T11:2023; AASHTO M6:2013, M8; BS EN 1097; ASTM C117, C566, ASTM C33:2022; C412
24	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; AASHTO T267; AASHTO T21:2005; AASHTO M6:2013; AASHTO M8:2006; ASTM C40:2011, ASTM C33:2022
25	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM D2938:2022; ASTM D7012:2023; ASTM C33:2022; AASHTO M6:2013; AASHTO M8:2006; JIS M0302:2014
26	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; BS 812:1991; AASHTO M6:2013; AASHTO M8:2006; ASTM C33:2022
27	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131:2010; ASTM C535:2016; ASTM C33:2022; AASHTO T96:2022; AASHTO T327:2005; AASHTO M6:2013; AASHTO M8:2006; JIS A1121:2007
28	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; BS EN 933:2012; ASTM C33:2022, ASTM D4791:2019; ASTM C88:2013; AASHTO T335:2009; AASHTO M8:2006
29	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006; AASHTO T122:2016
30	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
31	Xác định hàm lượng Mica	TCVN 7572-20:2006; ASTM C123:2011
32	Xác định hàm lượng hạt nhẹ	ASTM C123:2011; AASHTO T112:2004; AASHTO T113:2006
33	Xác định độ dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883:2021; AASHTO T191:2014
34	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu	TCVN 8860-7:2011

35	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419:2022; AASHTO T176:0002
36	Cát nghiền cho bê tông và vữa: Xác định hạt lượng hạt <0,075mm	TCVN 9205:2012
IV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY DỰNG	
37	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
38	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437:2020; BS EN 445:2007
39	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022; BS EN 445:2007
40	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022; ASTM C1437:2020; ASTM C941:2016; BS EN 445:2007
41	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; BS EN 445:2007
42	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022; BS EN 445:2007
43	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022; ASTM C349:2018; BS EN 445:2007
44	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022; BS EN 445:2007
45	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
46	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN6355-1:2009; AASHTO T32:2010; ASTM C67:2021
47	Xác định cường độ nén	TCVN6355-2:2009; AASHTO T32:2010; ASTM C67:2021
48	Xác định cường độ uốn	TCVN6355-3:2009; AASHTO T32:2010; ASTM C67:2021
49	Xác định độ hút nước	TCVN6355-4:2009; AASHTO T32:2010; ASTM C67:2021
50	Xác định khối lượng thể tích	TCVN6355-5:2009; AASHTO T32:2010; ASTM C67:2021
51	Xác định độ rỗng	TCVN6355-6:2009; AASHTO T32:2010; ASTM C67:2021
VI	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
52	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140-12a:2013
VII	KIỂM TRA THÉP, KIM LOẠI, MỎI HÀN	
53	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 6288:1997; TCVN 1824:1993; TCVN 7937:2013; ASTM A615:2022; ASTM A370:2022; ASTM D3953:2022
54	Thử uốn	TCVN 198:2008; ISO 7438:2016; ASTM A370:2022; ASTM A438:2017; JIS Z2248:2006; GB/T 232:2010

55	Mỗi hàn kim loại: Thử kéo, thử uốn	TCVN 5401:2010; TCVN 5403:2010; TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010; TCVN 11977:2017; AASHTO T68:2005
56	Bu lông, đai ốc, vít: Kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật bề mặt, thử kéo	TCVN 1916:1995; TCVN 4795:1989; TCVN 4796:1989; ASTM A370:2022, ASTM A325; ASTM E8; ASTM F606:2014; JIS B1186:1995
VIII THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT		
57	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854:2014; AASHTO T100;2006; BS 1377:2022
58	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216:2019; AASHTO T265:2019; BS 1377:2022
59	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318:2018; AASHTO T89:2022; AASHTO T90:2004; BS 1377:2022
60	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; ASTM C136:2006; ASTM D421:1998; ASTM D1140:2017; BS1377:2022; AASHTO T88:2004; AASHTO T27:2006;
61	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080:2004; AASHTO T236:2022
62	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2166:2006; ASTM D2435:2004; AASHTO T216:2007; AASHTO T297:2016
63	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:2006; AASHTO T180; AASHTO T99; BS 1377:2022; ASTM D698:2021; ASTM D1557:2021
64	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D7263:2023; AASHTO T100:2006; AASHTO T204:1996; AASHTO T191:2014; AASHTO T205:1986; AASHTO T233:2019; ASTM D4718:2015; ASTM D2937:2017; ASTM D1557:2021
65	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; TCVN 8821:2011; TCVN 12792:2020; AASHTO T193:2022; ASTM D1883:2021; BS 1377:2022
66	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166:2006; AASHTO T208:2015; BS 1377:2022
67	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
68	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; AASHTO T258:2004; ASTM D4829:2021; ASTM D4546:2021
69	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
70	Xác định khối lượng thể tích nhỏ nhất, lớn nhất và độ chặt tương đối của đất	TCVN 8721:2012
71	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; 14TCN 139:2005; AASHTO T204:1996; ASTM D2434:2006
72	Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012; ASTM D1883:2021
73	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; ASTM D2974:2020; AASHTO T267:2004
IX BÊ TÔNG NHỰA		

74	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1; AASHTO T245; ASTM D1559
75	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2; AASHTO T245; ASTM D1559
76	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3; AASHTO T245; ASTM D1559
77	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4; AASHTO T245; ASTM D1559
78	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5; AASHTO T245; ASTM D1559
79	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6; AASHTO T245; ASTM D1559
80	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7; AASHTO T245; ASTM D1559
81	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8; AASHTO T245; ASTM D1559
82	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9; AASHTO T245; ASTM D1559
83	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10; AASHTO T245; ASTM D1559
84	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11; AASHTO T245; ASTM D1559
85	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12; AASHTO T245; ASTM D1559
86	Xác định sức kháng trượt bằng con lắc Anh	TCVN 10271:14
X	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM	
87	Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI theo phụ lục II Thông tư 27/2014/TT-BGTVT	TCVN 7495:2005; ASTM D5:2006; AASHTO T49:2022
88	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113:2017; AASHTO T51:2022
89	Xác định điểm hoá mềm	TCVN 7497:2005; ASTM D36:2006; AASHTO T53:2022
90	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; ASTM D92:2018; AASHTO T48:2018
91	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; TCVN 11710:2017; TCVN 11711:2017; ASTM D6:2006; ASTM D1754:2022; ASTM D2872:2022; AASHTO T47:1998; AASHTO T179:2022; AASHTO T240:2023
92	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; ASTM D70:2018; AASHTO T228:2022
93	Phương pháp xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625:2005; AASHTO T49:2022
XI	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
94	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	22TCN 58:1984; ASTM D5329:2020; AASHTO T27:2006
95	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa: Xác định thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020

XII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
96	Đo dung trọng, độ ẩm đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; 22TCN 02:1971; TCVN 12791:2020; AASHTO T204:1996; ASTM D2937:2018
97	Xác định độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8729:2012; ASTM D1556:2007; AASHTO T191:2014
98	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950:2018; ASTM E1082:2017
99	Xác định mô đun đàn hồi của đất nền và các lớp kết cấu áo đường bằng PP sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D4395:2017
100	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695:2020; AASHTO T256:2001
101	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965:2019; AASHTO T278:1999
102	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
103	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
104	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945:2017; TCVN 11321:2016
XIII	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THẨM	
105	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8871-1:2011; TCVN 8485:2010; ASTM D4595:2017; ASTM D6693:2020; ASTM D412:2021; ASTM D4632:2015; ASTM D6637:2011; ASTM D5035:2019; ASTM D1621:2016; ASTM D1682:1975; BS EN 15381:2008; ASTM D2256:2021
106	Cường độ xé rách	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533:2015; ASTM D1004:2021; ASTM D624:2020; ISO 6383:2015; DIN 53507:1983
107	Khả năng chống xuyên CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D4621:1999; ASTM D5494:2018; DIN 53507:1983; ISO 12236:2006
108	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833:2020
109	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011; ASTM D3786:2018
110	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:2011; TCVN 8486:2010; ASTM D4751-2021; BS 6906:1995; ISO 12956:2019

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

PHẦN II

GIỚI THIỆU CHUNG

1. TÊN GIAO DỊCH CÔNG TY:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LAS -XD91**

Tên quốc tế LAS-XD 91 CONSTRUCTION TESTING AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

2. LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP:

Doanh nghiệp Cổ phần được Sở kế kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0110380273 cấp ngày 07 tháng 06 năm 2023

3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT:

Họ và tên : **Đậu Thị Phương Thảo** Chức vụ: **Giám đốc Công ty**

4. TRỤ SỞ CÔNG TY:

Nhà FB-40, Khu biệt thự Thiên Đường Bảo Sơn, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn - Km8 Đại Lộ Thăng Long, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0110380273

Điện thoại : 0989.852.209

Email : lasxd91@gmail.com

Số tài khoản : 2555899999 Ngân hàng TMCP Mb Bank- Chi nhánh tây Hà Nội.

5. PHÒNG THÍ NGHIỆM TRUNG TÂM

Nhà FB-40, Khu biệt thự Thiên Đường Bảo Sơn, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn - Km8 Đại Lộ Thăng Long, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình**

6. VỐN ĐIỀU LỆ:

3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng)

7. QUYẾT ĐỊNH CÔNG TY:

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS - XD91

Quyết định: 10/CV-LAS91 V/v: Áp dụng Hệ thống QLCL Phòng thí nghiệm, ngày 07 tháng 06 năm 2023

Quyết định: 05/CV-LAS91 V/v: Thành lập Phòng thí nghiệm chuyên ngành vật liệu xây dựng ngày 07 tháng 06 năm 2023

Quyết định: 07/CV-LAS91 V/v: Bổ nhiệm Trưởng phòng thí nghiệm, ngày 07 tháng 09 năm 2023

8. QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ XÂY DỰNG:

Bộ Xây Dựng công nhận phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình số:03 /GCN-SXD (GĐXD) ký ngày 25 tháng 09 năm 2023. Mã phòng LAS -XD24.003

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM

1. Thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình, tư vấn chứng nhận phù hợp, an toàn chịu lực các công trình dân dụng công nghiệp giao thông, thủy lợi, thủy điện hạ tầng và các hạng mục phụ trợ:

- Thí nghiệm kiểm tra chất lượng nền móng và móng công trình.
- Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng.
- Thí nghiệm kiểm tra chất lượng cấu kiện xây dựng.
- Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình ngoài hiện trường.
- Thí nghiệm thử tải kết cấu công trình, thử nghiệm sức chịu tải của cọc.
- Kiểm định đánh giá hiện trạng chất lượng các công trình xây dựng, phục vụ xây mới, cải tạo sửa chữa nâng cấp.
- Thí nghiệm kiểm tra chứng nhận sự phù hợp, an toàn chịu lực của công trình.

2. Thiết kế:

- Thiết kế thành phần cấp phối Bê tông xi măng, Vữa xi măng, Vữa trộn khô, Vữa rót ...
- Thiết kế thành phần cấp phối Bê tông nhựa.
- Thiết kế sơ đồ thử tải, kiểm tra chất lượng công trình.
- Thiết kế mô hình nghiên cứu thực nghiệm.

Trung tâm kiểm định và thí nghiệm chất lượng công trình thuộc Công ty Cổ phần kiểm định và thí nghiệm xây dựng công trình LAS- XD91 được sở xây dựng công nhận Mã phòng LAS – XD24.003 với nhiều chỉ tiêu. Phòng thí nghiệm chuyên sâu về thí nghiệm vật liệu, cấu kiện xây dựng và một số chỉ tiêu khác phục vụ cho thi công các công trình Giao thông, Thủy lợi và xây dựng dân dụng.

Trung tâm kiểm định và thí nghiệm chất lượng công trình chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực **thí nghiệm, kiểm định** kiểm tra chất lượng công trình và chất lượng vật liệu trong ngành xây dựng, giao thông, thủy lợi, thủy điện. Công tác thí nghiệm, kiểm định là phương cách kết hợp chặt chẽ giữa khoa học công nghệ và trình độ kinh nghiệm, vì vậy để thực hiện tốt công việc, ngoài việc chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phòng thí nghiệm còn tăng cường đầu tư và đổi mới các thiết bị kiểm định xây dựng, ứng dụng các quy trình thử nghiệm và công nghệ thông tin.

Tổng số nhân viên của công ty hơn 11 người, trong đó:

- Kỹ sư giao thông: 03 người
- Kỹ sư xây dựng dân dụng: 03 người
- Kỹ sư vật liệu xây dựng: 02 người
- Kỹ sư địa chất: 01 người
- Cao đẳng, trung cấp, TNV: 02 người

Với đội ngũ cán bộ và nhân viên năng động, nhiệt tình trong công việc. Có nhiều kinh nghiệm, có kiến thức khoa học kỹ thuật cùng với phương tiện làm việc hiện đại **Trung tâm kiểm định và thí nghiệm chất lượng công trình LAS- XD24.003** luôn đề ra mục tiêu và chính sách là: **“Xây đắp niềm tin- Thương hiệu uy tín – Sản phẩm chất lượng”**.

TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Tâm nhìn: Bằng sự nhiệt huyết, phát triển từng bước bền vững, Công ty phấn đấu Trở thành doanh nghiệp hàng đầu cả nước về tư vấn, ứng dụng và phát triển công nghệ mới trong lĩnh vực Xây dựng.

Với phương châm: “**Xây đắp niềm tin- Thương hiệu uy tín – Sản phẩm chất lượng**” Công ty luôn đem đến sự hài lòng cho khách hàng góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người Việt Nam.

Sứ mệnh: “Đem đến sản phẩm chất lượng cao, vì cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng và xã hội.

Số:05/QĐ-PTN

Hà Nội, Ngày 07 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc thành lập phòng thí nghiệm)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần kiểm định và thí nghiệm xây dựng LAS-XD 91
- Xét đề xuất phòng tổ chức hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay thành lập phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình như sau:

- Tên: **Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình**
- Địa chỉ: Lô FB40, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 0989.852.209

Điều 2 : Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Nghiên cứu các quy trình, công nghệ vật liệu mới, kết cấu mới ứng dụng trong các công trình xây dựng.
- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu xây dựng, bê tông, bê tông nặng, xi măng, vữa, gạch xây, thép, kim loại và mối hàn, và các loại vật liệu xây dựng khác.
- Thí nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật đất hiện trường, nền đất đắp, nền đê, nền đường, mặt đường.
- Thí nghiệm các chỉ tiêu đất trong phòng
- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của bê tông nhựa
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do giám đốc Công ty giao.

Điều 3 : Tổ chức bộ máy của Trung tâm thí nghiệm gồm:

- 01 Trưởng phòng thí nghiệm
- Số cán bộ công nhân viên của Phòng căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ để bố trí cho phù hợp.

Điều 4: Các Ông (bà) Trưởng phòng Thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình, và các cán bộ CNV có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Số: 07/CV- LAS91

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN
ISO/IEC17025:2017)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần kiểm định và thí nghiệm xây dựng LAS-XD 91.
- Xét đề xuất phòng tổ chức hành chính.
-

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập Ban ISO trong việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 của Công ty gồm có các ông (bà) có tên sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông: Đậu Thị Phương Thảo | - Giám đốc - Trưởng ban chất lượng |
| 2. Ông: Trần Văn Hùng | - Nhân viên - Phó Ban |
| 3. Ông: Đỗ Duy Hiếu | - Nhân viên thí nghiệm - Thành viên |

Điều 2: Ban ISO có quyền hạn và chức năng sau:

- Triển khai phổ biến kiến thức TCVN ISO/IEC 17025:2017 cho mọi nhân viên của bộ phận, đảm bảo mọi người hiểu và thực hiện theo.
- Phát hiện các vấn đề không phù hợp trong quá trình thực hiện các thủ tục hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 phục vụ cho việc hiệu chỉnh và hoàn thiện hệ thống chất lượng trong Công ty.
- Ban ISO có trách nhiệm báo cáo thường xuyên cho Giám đốc về việc áp dụng và duy trì hệ thống ISO trong Công ty.
- Đôn đốc việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017 theo tiến độ kế hoạch.

Điều 3: Trưởng ban chất lượng có quyền hạn và các chức năng sau:

- Đại diện cho Công ty giải quyết các vấn đề liên quan đến mọi việc xây dựng, duy trì cải tiến hệ thống chất lượng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017.

- Phối hợp với các phòng ban để triển khai thực hiện các công việc có liên quan đến kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017, phối hợp và điều hành ISO để hoàn thành dự án.

- Điều hành Ban ISO soạn thảo đề viết và biên tập hệ thống văn bản chất lượng.

- Báo cáo việc thực hiện hệ thống chất lượng đến Ban Giám đốc để xem xét làm cơ sở cải tiến hệ thống chất lượng này.

Điều 4: Thực hiện.

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Các CBNV có tên trong danh sách đính kèm và CBNV liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

CTCP KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM

XÂY DỰNG LAS-XD 91



GIÁM ĐỐC

Lâu Thị Phương Thảo

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các phòng ban Công ty;
- Lưu văn phòng Công

Số: 10/CV- LAS91

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 17025:2017 cho Phòng thí nghiệm)

GIÁM ĐỐC GIÁM ĐỐC CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Xét đề xuất của Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình LAS-XD 91 về việc chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 17025:2017;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo Quy trình ISO 17025:2017 cho toàn bộ các hoạt động của Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình theo các quy trình đã được phòng thí nghiệm xây dựng sửa đổi và trình ký.

Điều 2: Hủy bỏ việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo Quy trình ISO 9001:2017 mà trước đó phòng thí nghiệm đang áp dụng.

Điều 3: Các ông/bà Trưởng phòng thí nghiệm, Phòng kỹ thuật, Phòng Kế toán, các phòng ban, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các phòng ban Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.

CTCP KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM

XÂY DỰNG LAS-XD 91



GIÁM ĐỐC

Đâu Thị Phương Thảo

NGUỒN LỰC NHÂN SỰ

1. Giám đốc kiêm trưởng phòng thí nghiệm

- **Đậu Thị Phương Thảo**
- Sinh năm 1978
- Tốt nghiệp Đại học Mỏ địa chất – chuyên ngành trắc địa công trình
- Chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
- Kinh nghiệm công tác: 14 năm

2. Nhân viên thí nghiệm:

- **Đỗ Duy Hiếu**
- Sinh năm: 1985
- Chuyên môn: Bằng nghề TNV chất lượng đường ô tô
- Kinh nghiệm công tác: 15 năm

3. Nhân viên thí nghiệm:

- **Lê Trung Linh**
- Sinh năm: 1988
- Kỹ sư kỹ thuật XDGT
- Chứng chỉ: TNV XDCT GT
- Kinh nghiệm công tác: 8 năm

**BẰNG TỐT NGHIỆP, CHỨNG CHỈ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN
MÃ PHÒNG LAS-XD24.003**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BẢN SAO

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
..... *Đại học Mở - Địa chất*

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Loại hình đào tạo **TẠI CHỨC**
ngành *Trắc địa*

hạng *Trung bình khá* năm tốt nghiệp *2009*
và công nhận danh hiệu

Kỹ sư

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 16-12-2024

Số CT: 2.0002/số 01/CC-SCT/BS

Số vào sổ



Số hiệu bằng

A 207651

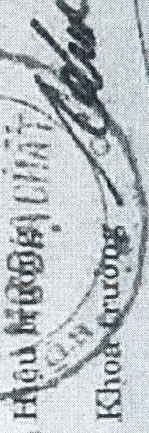
Chữ ký của người được cấp bằng



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thiết

cho: *Đào Thị Phương Thảo*
sinh ngày *25/04/1978* tại *Thái Bình*
Đào Thị Phương Thảo ngày *06* tháng *04* năm *2009*



Khoa trưởng

Trần Đình Hiến
PGTS. Trần Đình Hiến



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ- VINACOMIN
(VINACOMIN- INSTITUTE OF ENERGY AND MINING MECHANICAL ENGINEERING)

BẢN SAO

CHỨNG CHỈ

Certificate of Achievement

Chứng nhận

This is to certify that

Bà Đậu Thị Phương Thảo

Đã tham dự khóa đào tạo

Has attended training course

NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PTN THEO ISO/IEC 17025:2017
Quality Management in the Laboratory against ISO/IEC 17025:2017

Số giấy chứng nhận/ *Certification No.:* **0100.2A-DT**

Ngày cấp/ *Issued date:* **26/05/2023**

Số CT:.....**2.0026** số:.....**01** TP/CC-SCT/BS

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH



KT. VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hiền

CÔNG CHỨNG VIÊN

Địa chỉ: *Address:* 56 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553; Fax: +84-24-3854 3154
Email: tveicontrol@gmail.com



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
BẢN SAO

BẰNG KỶ SU
cấp

Xây dựng Cầu - Đường

Ông Lê Trung Linh

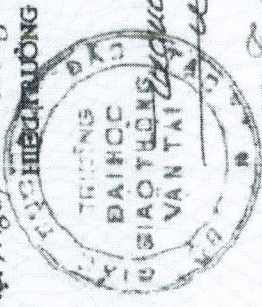
Ngày sinh: 22/05/1988 Tại: Hà Nội

Năm tốt nghiệp: 2012

Loại tốt nghiệp: Trung bình khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2012



PGS.TS. Trần Đức Sĩ

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Bridge and Highway Engineering

Mr Le Trung Linh

Date of birth: 22 May 1988 In: Ha Noi

Year of graduation: 2012

Degree classification: Average good

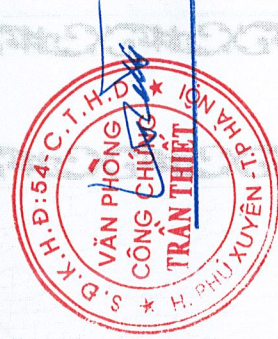
Mode of study: Full-time

Hanoi, 26 June 2012

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 16-12-2024

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá
Số CT: 20823 - 01
Quyển số: TPCC-SCT/BS



Số hiệu: 082101

CÔNG CHỨNG VIÊN
Số vào sổ cấp bằng: 874/K48

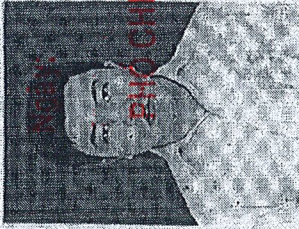
Trần Thiết

Reg. No: 874/K48

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số CT: 05.9. Quyển số: 6.6.SCT/BS



CẤP
CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: **Đặng Trung Linh**

Ngày tháng năm sinh: 22/05/1988

TRƯỞNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN

Đã hoàn thành chương trình:

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cầu - Đường

Đào tạo Thi nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: Xây dựng công trình giao thông

Khoa: 130 Tô chức: 17/4 ÷ 25/4/2020

Tại: TP. Hà Nội Xếp loại: Khá

Đặng Quang Hải

Hà Nội ngày 22 tháng 5 năm 2020

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆN QUẢNG



Số: 09.130.20/V/KHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

Nguyễn Quang Hải

BẢN SAO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

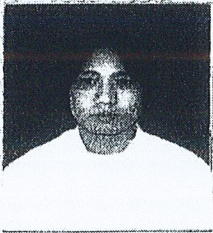
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG NGHỀ

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: **000583658** /LDTBXH - DN

Trưởng: **CAO ĐĂNG**
GIÁO THÔNG VĂN TÀI



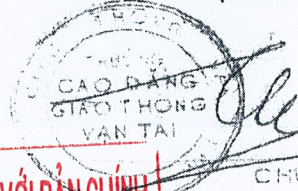
Cấp cho: **Đỗ Duy Hiến**
Sinh ngày: **22.02.1985**
Nguyên quán: **Tiên Hải - Thái Bình**
Nghề đào tạo: **TNY Kiểm tra chất lượng đường ô tô**
Từ ngày **15.10.03** đến ngày **15.04.2005**
Đạt trình độ thợ bậc: **3/7**
Tốt nghiệp hạng: **Trung bình**
Theo quyết định số: **776/DT**
Ngày **10** tháng **06** năm **2005**

Chữ ký của người được cấp bằng

Hà Nội, ngày **10** tháng **06** năm **2005**

Hiệu trưởng

Vào sổ số: **2244**
Ngày **10** tháng **06** năm **2005**



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: **16-12-2024**

Số CT: **20025--01** Quyền số: **TP/CC-SCT/BS**



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thiết

THIẾT BỊ MÁY MÓC THÍ NGHIỆM

1. Thiết bị văn phòng và máy móc phục vụ công tác hành chính, kiểm tra hiện trường

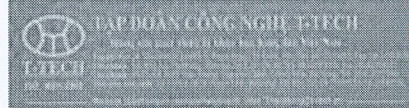
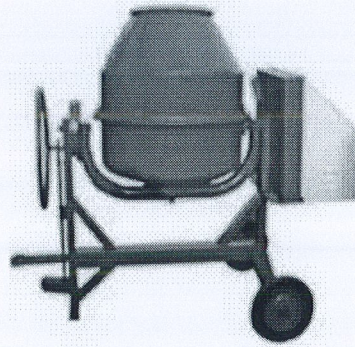
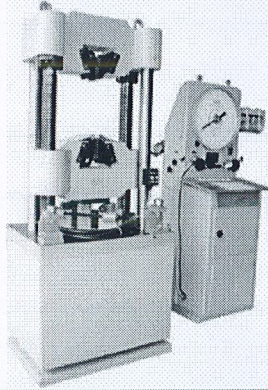
STT	Tên thiết bị	SL	Ghi chú
1	Máy tính để bàn, laptop	16	LG, HKC, PH
2	Máy tính xách tay	12	Lenovo, HP, Dell...
3	Máy in, photo	06	Canon
4	Máy ảnh, máy Fax	02	Canno, Samsung
5	Ô tô 7 chỗ, xe tải, bán tải	02	Innova, Suzuki
6	Thiết chung	-	...

2. Thiết bị thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình

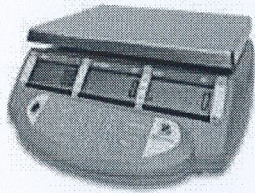
STT	Tên thiết bị	Đ/v	SL	Nước SX	Chức năng sử dụng
I	Thiết bị thí nghiệm vật liệu xây dựng ...				
1	Cân phân tích 0.001g, cân kỹ thuật 2610g, Cân Adam 311S g, cân Kỹ thuật 30Kg,	Chiếc	01	TQ	Cân vật liệu
2	Máy thử thấm bê tông	Chiếc	06	TQ	Thử thấm bê tông
3	Máy thử độ bền kéo nén WEW-1000B	Chiếc	03	TQ	Thí nghiệm kéo nén, kéo uốn thép
4	Thiết bị chế tạo bê tông	Chiếc	01	TQ	Chế tạo thử mẫu
5	Thùng trung hấp mẫu bê tông xi măng	Chiếc	01	TQ	Bảo dưỡng mẫu bê tông xi măng
6	Bàn dẫn vữa, xi măng	Chiếc	01	TQ	Thí nghiệm độ chảy vữa
7	Máy nén TYA, TYE	Chiếc	03	TQ	Xác định cường độ bê tông
8	Máy sàng, bộ sàng	Chiếc	01	TQ	Kiểm tra cốt liệu
9	Máy nén vữa IP-40	Chiếc	01	TQ	Kiểm tra cường độ vữa
10	Máy nén CBR	Chiếc	01	TQ	Kiểm tra nén mẫu CBR
11	Búa thử bê tông, máy siêu	Chiếc	02	TQ	Kiểm tra bê tông
12	Máy Marshall	Chiếc	02	TQ	Kiểm tra nén mẫu Marshall
13	Máy Chiết nhựa	Chiếc	02	TQ	Xác định hàm lượng nhựa
14	Các loại đồng hồ đo biến dạng	Chiếc	10	TQ	Đo biến dạng của vật liệu
15	Thiết bị hóa mềm nhựa	Chiếc	01	TQ	Xác định nhiệt độ hóa mềm của nhựa
16	Thiết bị xác định điểm bắt lửa	Chiếc	01	TQ	Xác định điểm bốc cháy của nhựa
17	Cần đo benkelman	Chiếc	01	TQ	Xác định modun đàn hồi, đo E mặt đường, đo nền mặt đường
18	Thiết bị đo kim lún của nhựa	Chiếc	01	TQ	Xác định độ đặc quánh của nhựa đường
19	Máy đầm mẫu tự động Marshall	Chiếc	01	TQ	Xác định độ đầm chặt của BTN
20	Tủ sấy	Chiếc	02	TQ	Sấy vật liệu

21	Máy nén đất tam liên	Chiếc	01	TQ	Xác định tính nén lún không nở hông của cát và đất trong PTN
22	Máy cắt đất EDJ hai tốc độ	Chiếc	01	TQ	Xác định sức chống cắt trong PTN
23	Kích thủy lực 32T	Chiếc	01	TQ	
24	Lò nung 1000oV, 1200oC	Chiếc	01	TQ	Nung vật liệu nhựa đường
25	Máy mài mòn losangeles	Chiếc	01	TQ	Xác định độ hao mòn của đá

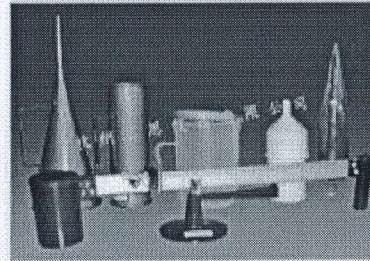
MỘT SỐ HÌNH ẢNH THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM, GIẤY KIỂM ĐỊNH



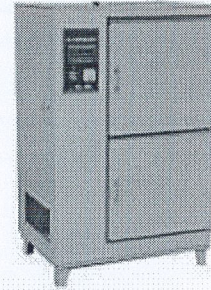
CÂN ĐIỆN TỬ ĐẾM OHAUS EC



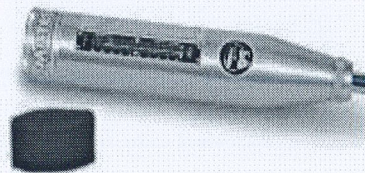
Bộ Thí Nghiệm Bentonite



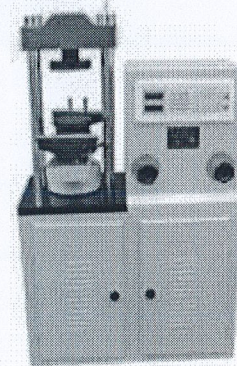
Tủ Dưỡng Hộ Mẫu Xi Măng

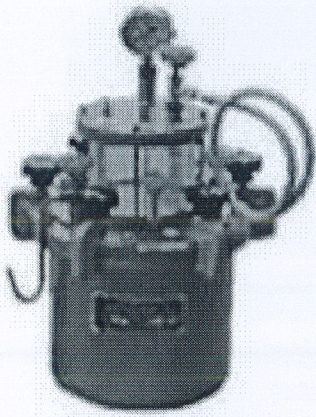


Súng Bắn Bê Tông

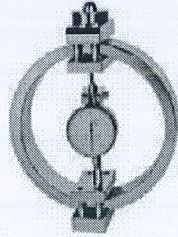


Máy Nén Uốn Xi Măng 300KN





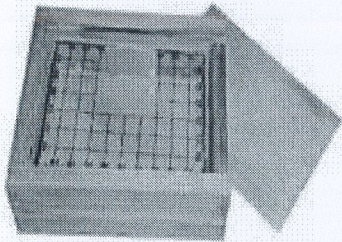
Cung Lực



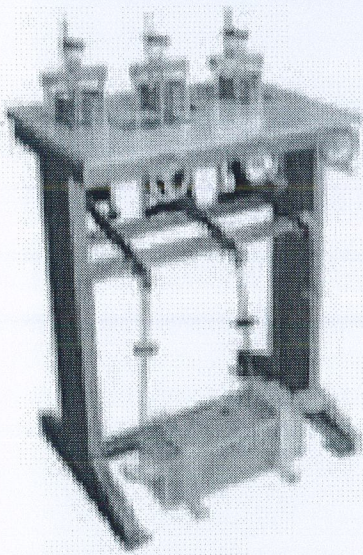
Máy Nén Marshall 30KN



Dụng Cụ Đo Góc Nghi
Của Cát

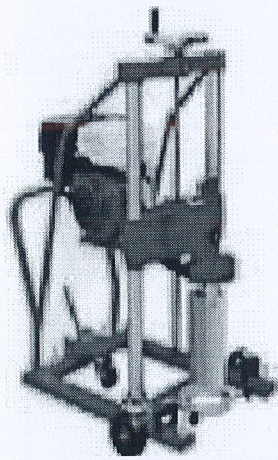
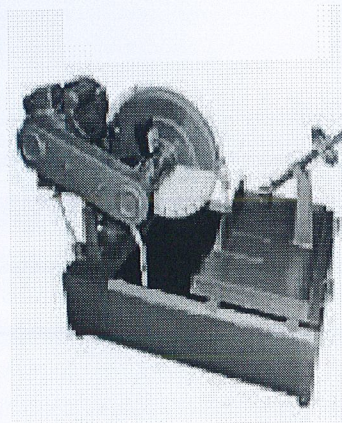
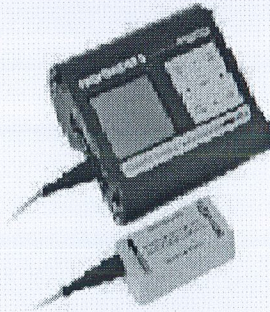


MÁY NÉN BÊ TÔNG



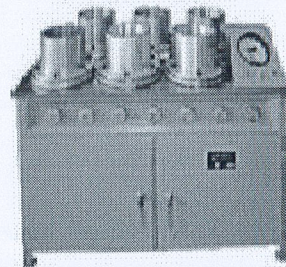
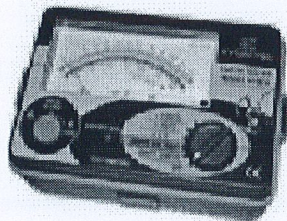
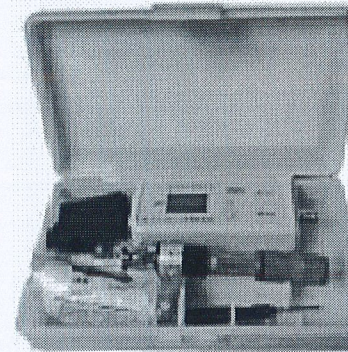
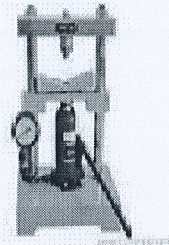
TRƯỜNG CÔNG NGHỆ GTVT
TRƯỜNG CÔNG NGHỆ GTVT
TRƯỜNG CÔNG NGHỆ GTVT

MÁY ĐO LƯỜNG ĐƯỜNG ĐI TỌA ĐỘ



TRƯỜNG CÔNG NGHỆ GTVT
TRƯỜNG CÔNG NGHỆ GTVT
TRƯỜNG CÔNG NGHỆ GTVT

MÁY NÉN ĐIỂM MẪU ĐÁ



TRƯỜNG CÔNG NGHỆ GTVT
TRƯỜNG CÔNG NGHỆ GTVT
TRƯỜNG CÔNG NGHỆ GTVT

MÁY SIÊU ÂM CỐT THÉP



BẢN SAO



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.4028.24**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử mài mòn Los Angeles**

Kiểu (Type): **MH-I** Số (Serial Số) / Mã QL (Tag Số): **4028.24**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tiêu chuẩn TCVN 6065, TCVN 3114:2022**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

Máy thử mài mòn Los Angeles - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay

Kết quả (Results): **Tốc độ đo được: 30 ± 1 vòng/phút**

Đường kính đối trọng (mm): 47,1 ~ 47,5

Trọng lượng đối trọng (g): 393 ± 0,5

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(26 \pm 2) ^\circ\text{C}$; Độ ẩm: 80%RH

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **18 - 12 - 25**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 20-12-2024

Số CT: 2024/OC-SCT/BS

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

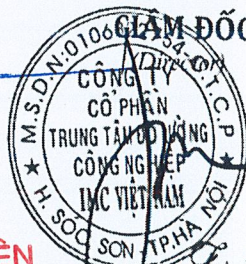
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

Trần Anh Văn

CÔNG CHỨNG VIÊN



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

BẢN SAO



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ (Add): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.4039.24**

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ so**

Kiểu (Type): **Cơ** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **4039.24**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: **(0 - 10) mm**
Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐL VN 75 : 2001**

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Bộ căn mẫu song phẳng (0,5 - 100) mm**

$$U = \sqrt{0,064^2 + (0,15L)^2} \mu m$$

Kết quả (Results):

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn (μm)	-9	-7,0718	-0,1	-8

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **18 - 12 - 25**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

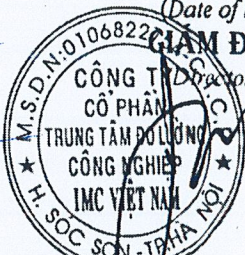
Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)



Trần Anh Văn

CÔNG CHỨNG VIÊN

(Date of issue)



GIÁM ĐỐC
(Director)

GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tân

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có hiệu lực nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
 (Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)
 Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
 Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
 (Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4040.24**

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ so**
 Kiểu (Type): **Cơ** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **4040.24**
 Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: **(0 - 10) mm**
 Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 75 : 2001**
Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Bộ căn mẫu song phẳng (0,5 - 100) mm**
 $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

Kết quả (Results):

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn (μm)	-8	-0,1	5,8	-8

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **18 - 12 - 25**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

Trưởng phòng thí nghiệm
 (Head of calibration Laboratory)

Trần Anh Văn



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thiết

(Date of issue)



GIÁM ĐỐC
Trần Đình Loan

Trang: 1/2
 (№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
 Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

BẢN SAO



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4027.24**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo, nén, uốn**

Kiểu (Type): **WE - 1000 B** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **084**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo lớn nhất (Max range): (0 ÷ 1000) kN**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty): $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **18 - 12 - 25**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

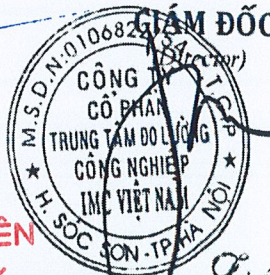
(Head of calibration Laboratory)

Trần Anh Văn



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thiết



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo đây chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4027.24

Chỉ thị trên máy (Indicated on WE-1000B) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)	Chỉ thị trên máy (Indicated on WE-1000B) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)
Thang đo (0 ÷ 1000) kN; d = 2 kN		Thang đo (0 ÷ 500) kN; d = 1 kN	
0	0,00	0	0,00
150	150,24	80	80,24
300	301,55	160	161,23
450	452,12	240	241,25
600	603,12	320	322,56
750	753,32	400	403,27
900	904,35	480	484,18
Thang đo (0 ÷ 200) kN; d = 0,5 kN			
0	0,00		
30	30,32		
60	60,25		
90	91,32		
120	121,49		
150	151,15		
180	181,54		

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4029.24**

Tên phương tiện đo (Object): **Thùng hấp mẫu xi măng**

Kiểu (Type): **Cơ khí** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **4029.24**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Nhiệt độ: đến 100 °C**
Độ phân giải (Resolution): 1 °C

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**
Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh: **LR8402-20/HIOKI;**

Độ không đảm bảo đo $U = 0,6$ °C

Bể điều nhiệt; độ ổn định 0,05 °C

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **18.12.25**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: **20-12-2024**
Số CT: **2024/25 - P/CC-SCT/BS**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024
(Date of issue)

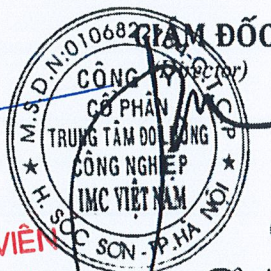
Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)



Trần Anh Văn

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thiết



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4029.24

Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn đo được (Standard) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) $p = 95\%CL, k = 2$
60	61,2	1,2	
80	81,1	1,1	
100	101,1	1,1	

IMC



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

BẢN SAO



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): IMC.4026.24

Tên phương tiện đo (Object): : Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)

Kiểu (Type): TYE-2000 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 102

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo(Range): (0 ÷ 800) kN, d = 2,5 kN

Phạm vi đo(Range): (0 ÷ 2000) kN, d = 5 kN

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10⁻²

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

Số CT: 2.8718/25

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

Trần Anh Văn

Trần Anh Văn



CÔNG CHỨNG VIÊN



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tấn

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có hiệu lực nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

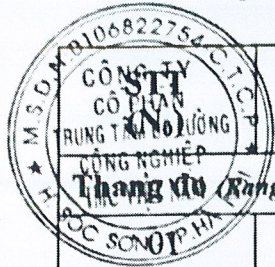
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4026.24



	Chỉ thị trên máy (Indicated on TYE 2000) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)
Thang đo (Range) (0 ÷ 800) kN; d = 2,5 kN		
	0	0,0
02	150	149,4
03	300	301,5
04	450	452,2
05	600	603,4
06	750	754,5
Thang đo (Range) (0 ÷ 2000) kN; d = 5 kN		
01	0	0,0
02	300	301,5
03	600	603,8
04	900	904,5
05	1200	1205,3
06	1500	1508,6
07	1800	1808,3

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(26 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(26 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is:
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



Trang: 2/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel): 0888.333.717

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4030.24**

Tên phương tiện đo (Object): **Tủ sấy (Oven)**

Kiểu (Type): **101-1**

Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **6662**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 300°C**

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh: **LR8402-20/HIOKI;**

Độ không đảm bảo đo $U = 0,6^\circ\text{C}$

Ngày: 20-12-2024

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Số CT:..... 2. Quyển số:..... 81/CC-SC/1/BC

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **18 - 12 - 25**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

[Handwritten signature]

Trần Anh Văn



CÔNG CHỨNG VIỆN



GIAM ĐỐC

[Handwritten signature]

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có hiệu lực nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

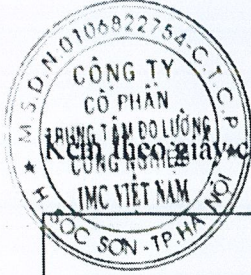
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4030.24

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
70	71,2	69,9	60,8
115	116,1	115,9	115,5
150	152,3	151,9	151,3
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		

IMC



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)
 Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
 Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN *(Calibration Certificate)*

Số (№): IMC.4033.24

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy nén Marshall**
 Kiểu (Type) : **MSY-30** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **1973**
 Nơi sản xuất (Manufacturer) : **Trung Quốc**
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo lớn nhất (Max range): **30 kN**
 Đồng hồ so giá trị độ chia (Div): **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer) :

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10⁻²

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn tiếp sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **18 - 12 - 25**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

Trưởng phòng thí nghiệm

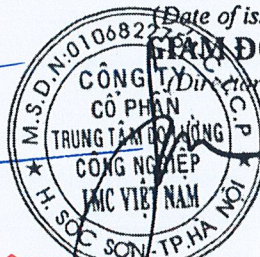
(Head of calibration Laboratory)



Trần Anh Văn

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thiết



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tuấn



Trang: 1/2
 (№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có hiệu lực nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kính theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4033.24

	Lực đo, kN (Reference Force, kN)	Giá trị chỉ thị, × 0,01 mm (Indicated, × 0,01 mm)
1	0	0
2	3	33,4
3	6	65,8
4	9	99,5
5	12	132,7
6	15	164,9
7	18	198,5
8	21	231,0
9	24	262,9
10	27	296,2

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,091x - 0,042$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

BẢN SAO



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4031.24**

Tên phương tiện đo (Object) : **Lò nung**

Kiểu (Type) : **2-5-10**

Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **50848**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 1000°C**

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-08**

Lò Nung - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh: **LR8402-20/HIOKI;**

Độ không đảm bảo đo $U = 0,6^\circ\text{C}$

Ngày: 20-12-2024

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **18-12-25**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

(Date of issue)

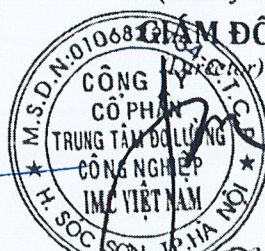
Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

Trần Anh Văn



CÔNG CHỨNG VIÊN



GIẢM ĐỐC

Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có hiệu lực nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

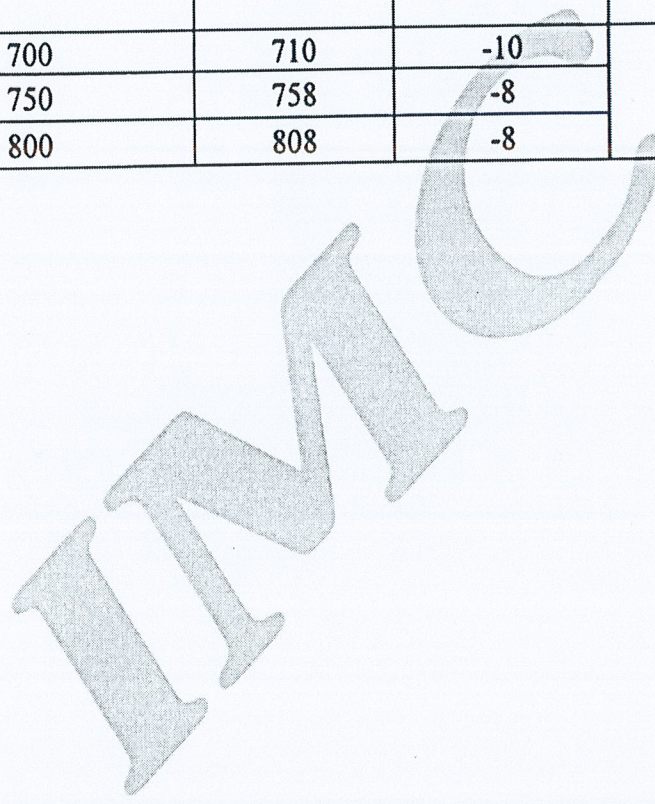
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kiểm tra giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4031.24

Thiết bị đặt (°C)	Chuẩn đo được (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
700	710	-10	10
750	758	-8	
800	808	-8	



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4032.24**

Tên phương tiện đo (Object): **Cung lực - Máy nén CBR**
Kiểu (Type): **DLV-221** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **078**
Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo đến: 50 kN;**
Đồng hồ so (0~10)mm/0,01mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC-TB1-03 - Đầu đo lực (Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10⁻²

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **18 - 12 - 25**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

(Date of issue)

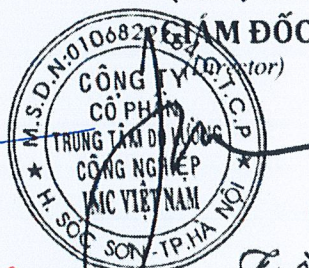
Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)



Trần Anh Văn

CÔNG CHỨNG VIỆN



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4032.24

(№)	Lực đo, kN (Reference Force, kN)	Giá trị chỉ thị, $\times 0,01$ mm (Indicated, $\times 0,01$ mm)
01	0	0,0
02	10	38,2
03	20	76,3
04	30	114,5
05	40	154,5
06	50	193,2

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,26x + 0,09$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



Trang: 2/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

BẢN SAO



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4036.24**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **GS-ALC15** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **2021522005**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Nhật**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max =15 kg**
Độ phân giải (Resolution): d = 0,1 g

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

IMC.TB1.34 - Quả cân F2

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 20-12-2024

Kết quả (Results) :

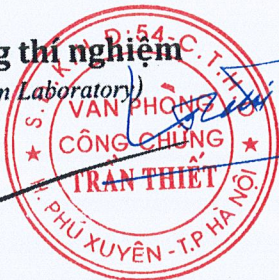
Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

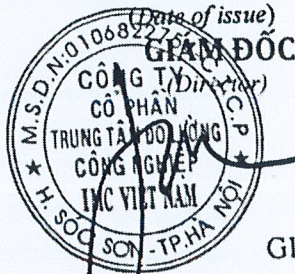
18 - 12 - 25

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)



Trần Anh Văn



GIÁM ĐỐC

Trần Linh Tuấn

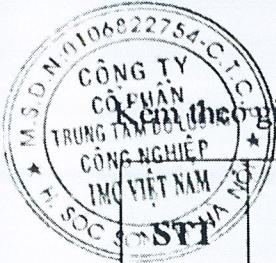
Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4036.24

	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBBĐ U, g
1	500	500,0	0,0	0,05
2	1000	1000,0	0,0	0,05
3	2000	2000,0	0,0	0,05
4	5000	5000,0	0,0	0,05
5	10000	10000,1	-0,1	0,05
6	15000	15000,1	-0,1	0,05

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	23,0	55,0
Kết thúc	23,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy
 $P = 95,45\%$ ($k=2$)



Trang: 2/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4035.24**

Tên phương tiện đo (Object): **Áp kế Bơm Chân Không**

Kiểu (Type): **2XZ - 1** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **646**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **(-0,1±0) Mpa**
Giá trị vạch chia nhỏ nhất: **0,02 Mpa**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-17**

Áp kế - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Áp kế chuẩn model : DPI620/PM620

Độ không đảm bảo đo $U = 0.025\%$, chuẩn được liên kết với VMI

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

18-02-25 - 01
Số CT:.....Quyển số:.....TP/CC-SCT/BS

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

(Handwritten signature of Trần Anh Văn)

Trần Anh Văn



GIÁM ĐỐC

(Handwritten signature of Trần Đình Liên)

Trần Đình Liên

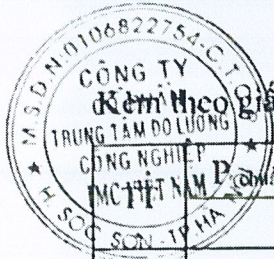
Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4035.24

	Giá trị chuẩn (standard)	P đo tb (test mean)	ΔP	(*) U_{exp}
	Mpa	Mpa	Mpa	Mpa
1	-0,10	-0,100	0.000	0,02
2	-0,08	-0.079	0.001	0,02
3	-0,06	-0.058	0.002	0,02
4	-0,04	-0.039	0.001	0,02
5	-0,02	-0.019	0.001	0,02
6	0.00	-0.001	0.001	0,02

Điều kiện hiệu chuẩn (Calibration conditions) :

Nhiệt độ (Temperature): (22 ±2) °C

Độ ẩm (Humidity): (60 ±10) %RH

IMC



Trang: 2/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)

(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Điện thoại (Tel): 0888.333.717

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): IMC.4034.24

Tên phương tiện đo (Object): Máy chiết nhựa ly tâm

Kiểu (Type): SLF-400 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 4034.24

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):
Tốc độ vòng quay: 3600 vòng/phút

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4 - 09

Máy chiết xuất ly tâm - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 18 - 12 - 25

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 20-12-2024

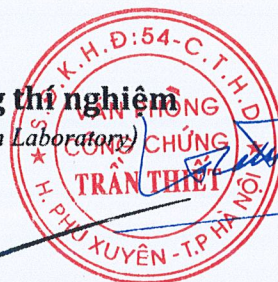
Số CT: 2.0712 số: 01CC-SCT/BS

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

Handwritten signature of Trần Anh Văn



Trần Anh Văn

CÔNG CHỨNG VIÊN



(Date of issue)

GIÁM ĐỐC

Handwritten signature of Trần Đình Tuấn

GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2 (No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có hiệu lực nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4034.24

STT	Giá trị đặt (vòng/p)	Đo được (vòng/p)
1	1800	1802
2	2600	2605
3	3400	3410

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(22 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.
(The equipment has been calibrated at the temperature of $(22 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is: $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4038.24

STT (No)	Mức cân (Load) g	Giá trị chỉ thị (Indication) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	ĐKĐBBĐ U (Uncertainty) g
1	100	100,00	0,00	0,02
2	200	200,00	0,00	0,02
3	500	500,00	0,00	0,02
4	1000	1000,00	0,00	0,02
5	2000	2000,00	0,00	0,02

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	22,0	55,0
Kết thúc	22,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy
 $P = 95,45\%$ ($k=2$)



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**

(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4037.24**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **ALC-30A** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **58821120165**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Nhật**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max = 30.000 g**

Độ phân giải (Resolution): **d = 1 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 91

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

IMC.TB135 - Bộ quả cân chuẩn F2

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **18 - 12 - 25**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

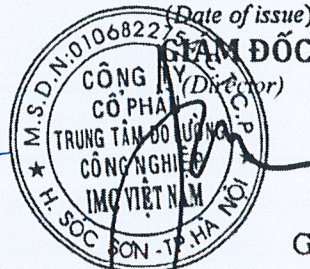
Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

TRẦN THIẾT
H. PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI

Trần Anh Văn

CÔNG CHỨNG VIÊN



(Date of issue)

GIÁM ĐỐC

(Director)

GIÁM ĐỐC

Trần Đình Lân

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có hiệu lực nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kính gửi quý khách: Giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4037.24

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	0	0	0	0,2
2	50	50	0	0,2
3	1.000	1.000	0	0,2
4	2.000	2.000	0	0,2
5	5.000	5.000	0	0,2
6	10.000	10.000	0	0,3
7	20.000	20.001	-1	0,5
8	30.000	30.001	-1	0,5

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	24,0	55,0
Kết thúc	24,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k=2)



Trang: 2/2
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

CÁC CÔNG TRÌNH PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐÃ THAM GIA GẦN ĐÂY

TT	Tên Dự án tham gia	Hạng mục thí nghiệm	Nơi - Năm tham gia
1	Dự án: Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo 19 trạm y tế xã, Tỉnh Hà Tĩnh	Đất, đá, các loại bê tông, các hạng mục BTN	Tỉnh Hà Tĩnh năm 2023
2	Dự án: Đầu tư xây dựng khu nhà ở tại thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, . Gói thầu số 14	Đất, đá, các loại bê tông, các hạng mục BTN	Tỉnh Hà Nam năm 2023-2024
3	Dự án: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Thanh Tâm	Đất, đá, các loại bê tông, các hạng mục BTN	Tỉnh Hà Nam năm 2024
4	Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường N2 đoạn từ đường ĐH.02 đường kết nối hai đèo Trần, huyện Lý Nhân.	Đất, đá, các loại bê tông, các hạng mục BTN	Tỉnh Hà Nam năm 2024
5	Dự án: Xây dựng các cầu trọng yếu và các tuyến đường hai đầu cầu trên địa bàn huyện Quế Phong	Đất, đá, các loại bê tông, các hạng mục BTN	Tỉnh Nghệ An năm 2024
6	Gói thầu PR2.1. Xây dựng hạ tầng khu tái định cư đường Phan Đăng Lưu và mở rộng kéo dài hẻm 150	Hạng mục nền, và BTN C12,5	Tỉnh Ninh Thuận năm 2020
7	Dự án : Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh- đoạn tránh trung tâm Huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc	Hạng mục BTN C19 và C12,5	Tỉnh Bắc Kạn năm 2017
8	Dự án: Mở rộng QL1 các đoạn Km 1589+300- Km 1642+00 và Km 1692+00- Km 1720+800 Gói thầu số 4,	Đất, đá, các loại bê tông, các hạng mục BTN	Tỉnh Bình Thuận năm 2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Số:RAP/CP23/2021/HĐ/TN

Dự án : QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM(VRAMP)

Gói thầu : RAP/CP23: CẤP MỞ RỘNG QUỐC LỘ 2

Đoạn : KM284+600 -:- KM285+995

GIỮA

CÔNG TY TNHH HIỆP PHÚ

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN 208
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD-91

HÀ NỘI - 2021



HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Về việc : Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình

Dự án : Quản lý đường Bộ Việt Nam (VRAMP)

Gói thầu : RAP/CP23: Cấp mở rộng quốc lộ 2

Đoạn: : Km284+600 -:- Km285+995

I. CÁC CĂN CỨ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ hợp đồng thỏa được lập vào ngày 20/12/2021 giữa Ban Quản lý Dự án 3 (Ban QLDA3) Thuộc Tổng Cục Đường bộ Việt Nam:
- Căn cứ giấy chứng nhận số : 577/GCN-BXD ngày 30/05/2019 về việc công nhận năng lực các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 465. Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Hà Giang;
- Căn cứ vào khả năng, nhu cầu và sự thỏa thuận của hai bên.
Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại Văn phòng Công ty Cổ Phần 208, chúng tôi gồm có:

II. CÁC BÊN THAM GIA:

1. Bên Giao (Sau đây gọi tắt là Bên A): CÔNG TY TNHH HIỆP PHÚ

- Đại diện là ông: **Phạm Quang Hiệp** Chức vụ : **Giám đốc**
- Địa chỉ: Thôn 8 - Xã Lương Vượng - Thành phố Tuyên Quang- Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0273 873 999 Fax: 0273 873 999
- Tài khoản số : 3411 000 000 8063 Tại ngân hàng: BIDV Tuyên Quang
- Hoặc: 117000050935 Tại ngân hàng TMCP Công thương Tuyên Quang
- Mã số thuế : 5000 197 820

Bên A cử ông Nguyễn Đức Thiện - Số Điện thoại: 0976.581.931 Chỉ huy trưởng công trường chịu trách nhiệm giám sát thực hiện Hợp đồng tại công trường

HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Về việc : Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình
Dự án : Quản lý đường Bộ Việt Nam (VRAMP)
Gói thầu : RAP/CP23: Cấp mở rộng quốc lộ 2
Đoạn: : Km284+600 -:- Km285+995

I. CÁC CĂN CỨ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ hợp đồng thỏa được lập vào ngày 20/12/2021 giữa Ban Quản lý Dự án 3 (Ban QLDA3) Thuộc Tổng Cục Đường bộ Việt Nam:
- Căn cứ giấy chứng nhận số : 577/GCN-BXD ngày 30/05/2019 về việc công nhận năng lực các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 465. Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Hà Giang;
- Căn cứ vào khả năng, nhu cầu và sự thỏa thuận của hai bên.
Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại Văn phòng Công ty Cổ Phần 208, chúng tôi gồm có:

II. CÁC BÊN THAM GIA:

1. Bên Giao (Sau đây gọi tắt là Bên A): CÔNG TY TNHH HIỆP PHÚ

- Đại diện là ông: **Phạm Quang Hiệp** Chức vụ : **Giám đốc**
- Địa chỉ: Thôn 8 - Xã Lương Vượng - Thành phố Tuyên Quang- Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0273 873 999 Fax: 0273 873 999
- Tài khoản số : 3411 000 000 8063 Tại ngân hàng: BIDV Tuyên Quang
- Hoạch: 117000050935 Tại ngân hàng TMCP Công thương Tuyên Quang
- Mã số thuế : 5000 197 820

Bên A cử ông Nguyễn Đức Thiện - Số Điện thoại: 0976.581.931 Chỉ huy trưởng công trường chịu trách nhiệm giám sát thực hiện Hợp đồng tại công trường

170
NC
H
TU
ĐT
AN

- Không có lý do chính đáng và không thông báo trước cho Bên A mà 10 (mười) ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;
- Bị phá sản hoặc chấm dứt hoạt động hoặc ngừng hoạt động.

2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B

Bên bán được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- Bên B không nhận được số tiền được thanh toán kể từ ngày hết hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản thanh toán nào của Bên A đối với Bên B.


Điều 7. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết và thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Nếu trong quá trình thực hiện gặp khó khăn trở ngại thì hai bên chủ động thông báo cho nhau trước, chậm nhất là 03 ngày để cùng nhau kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và chủ động thương lượng giải quyết hoặc bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.
- Trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì khiếu nại đến Tòa án Kinh tế tỉnh Hà Giang là cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật.

Điều 8. Hiệu lực của Hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết. Hợp đồng này hết hiệu lực khi hai Bên thực hiện hết nghĩa vụ của mình, quyết toán xong toàn bộ công việc, công nợ.
- Các đơn đặt hàng cũng như các sửa đổi, bổ sung được coi như các phụ lục và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A


GIÁM ĐỐC
Phạm Quang Hiệp

ĐẠI DIỆN BÊN B


TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Hoàng Long

PHỤ LỤC 01: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

(Hợp đồng số: RAP/CP23/2021/HĐ/TN, ngày 10/01/2022)

STT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	Giá trị xây lắp	Giá trị hợp đồng (tạm tính)
1	Giá trị hợp đồng tạm tính bằng 0,5% Tổng giá trị xây lắp công trình	TG	0.5%	42.557.988.000	212.789.000
<i>(Bằng chữ: Hai trăm mười hai triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng chẵn./.)</i>					

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT;

- Đơn giá trên không bao gồm thí nghiệm liên quan vật tư điện, nước và các phép thử ngoài phạm vi bản đăng ký danh mục, năng lực của phòng las- XD91. PDA, khoan mùn, Siêu âm, hàn lùn vệt bánh xe.

AM * 9M/2

Số: QA/CV-CCSEP

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 01 năm 2020

Về việc chấp thuận phòng thí nghiệm hiện trường LAS-XD 91

Kính gửi: Công ty Cổ phần 208.

Căn cứ Văn bản số 05/BDH-PR-2.1 ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần 208 về việc xin chấp thuận phòng thí nghiệm hiện trường gói thầu PR-2.1 “Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và mở rộng kéo dài đường hẻm 150” thuộc dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải- Tiểu dự án thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ Hồ sơ pháp lý phòng thí nghiệm LAS-XD 91 và Đề cương thí nghiệm vật liệu xây dựng bao gồm:

- Giấy chứng nhận số 12/GCN-BGTVT ngày 22/5/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của phòng thí nghiệm LAS-XD 91;

- Hồ sơ năng lực của phòng thí nghiệm bao gồm: danh sách thiết bị kèm theo hồ sơ kiểm định, danh mục các phép thử của phòng thí nghiệm LAS-XD 91, kinh nghiệm và bằng cấp chứng chỉ của nhân sự thí nghiệm;

- Quyết định thành lập Trạm thí nghiệm hiện trường gói thầu PR-2.1 “Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và Mở rộng, kéo dài đường Hẻm 150”;

- Đề cương thí nghiệm vật liệu xây dựng.

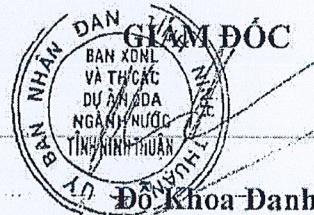
Qua kiểm tra đánh giá thực tế và Báo cáo số 03/BC-KT ngày 10/01/2020 của phòng kỹ thuật thẩm định, Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh Ninh Thuận chấp thuận phòng thí nghiệm LAS-XD 91 thuộc Công ty cổ phần 208 là phòng thí nghiệm hiện trường thực hiện công tác thí nghiệm kiểm định cho gói thầu PR-2.1 theo hồ sơ năng lực đệ trình,

Đề nghị Công ty Cổ phần 208 phải thực hiện công tác thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng theo đúng yêu cầu của Dự án; Chịu trách nhiệm với Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ các công việc đã ký kết, kể cả các công việc thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng do Phòng LAS-XD 91 thực hiện.

Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh Ninh Thuận thông báo để các bên liên quan được biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám Đốc (Scan);
- WB;
- Phòng Kỹ thuật;
- Ban QLDA.CCSEP;
- Lưu VT.



**BẢNG KÊ DUNG CỤ THÍ NGHIỆM
GÓI THẦU PR2.1**

**DỰ ÁN: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHAN ĐĂNG LƯU VÀ MỞ RỘNG KÉO
DÀI ĐƯỜNG HẸM 150**

LOẠI DỤNG CỤ	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	NƯỚC SX	CHỦ SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG	CHẤT LƯỢNG
<u>I. Thí nghiệm về đất</u>					
Bộ sàng 200 – 0.075mm ; Tỷ trọng kế, cốc+chày sứ	Phân tích thành phần hạt	Trung Quốc Anh	Công ty 208	01 bộ	Tốt
Tủ sấy 300°C	Xác định độ ẩm và sấy khô vật liệu	Trung Quốc	-	01 chiếc	-
Bộ thí nghiệm giới hạn chảy, dẻo	Xác định giới hạn chảy, dẻo	Trung Quốc	-	02 bộ	-
Bộ đầm nén tiêu chuẩn và đầm nén cải tiến	Thí nghiệm đầm nén	Trung Quốc	-	02 bộ	-
Dụng cụ thí nghiệm dung trọng	Xác định khối lượng thể tích xốp	Việt Nam	-	01 bộ	-
Bình tỷ trọng đất	Xác định khối lượng riêng	Việt Nam	-	01 bộ	-
Máy nén CBR + 06 bộ khuôn	Thí nghiệm CBR	Trung Quốc	-	01 bộ	-
Bộ khuôn của thí nghiệm CBR và 1 tấm ép D=5cm, giá lắp đặt đồng hồ đo biến dạng chính xác đến 0.01. Máy nén	Thí nghiệm ép lún	Trung Quốc	-	01 bộ	-
<u>II. Thí nghiệm vật liệu móng áo đường</u>					
Máy mài mòn Los Angeles+ bi sắt tiêu chuẩn	Thí nghiệm độ hao mòn của đá	Trung Quốc	-	01 chiếc	-
Thùng rửa đá, cát	Thí nghiệm hàm lượng bụi, bùn, sét trong Vật liệu	Việt Nam	-	02 chiếc	-
Bộ thí nghiệm đương lượng cát	Thí nghiệm đương lượng cát ES	Trung Quốc	-	01 bộ	-
Bộ thí nghiệm hàm lượng thoi dẹt	Thí nghiệm hàm lượng hạt dẹt	Việt Nam	-	01 bộ	-
Thùng chia mẫu	Chia khối lượng mẫu trên các sàng	Việt Nam	-	01 bộ	-
<u>III. Thí nghiệm BTN và hỗn hợp BTN</u>					
Dụng cụ xác định độ kim lún	Thí nghiệm độ kim lún của nhựa	Trung Quốc	-	01 bộ	-
Máy đầm mẫu + máy nén Marshall	Thí nghiệm độ bền Marshall	Trung Quốc	-	01 bộ	-

THẨM ĐỊNH
 Trung Quốc
 Kỹ sư
 Nguyễn Văn Hùng
 Ngày: tháng 20.....
 Ký tên:

(Handwritten signature)

Tấm tôn mỏng	Xác định lượng nhựa phun tưới hiện trường	Việt Nam	-	-	-
1 Kích gia tải 15 tấn; tấm ép D=33cm, 1 giá mắc thiên phân kế, 6 thiên phân kế.	Thí nghiệm ép lún hiện trường	Việt Nam	-	01 bộ	-
Các loại ống đong (10,50,100,200,500,1000)ml	Thí nghiệm độ ẩm, tỷ trọng	Việt Nam	-	01 bộ	-
Cân cơ 311g chính xác 0.01 g Cân cơ 2610g chính xác 0.01g Cân điện 30 kg chính xác 0.1g Cân điện tử 6 kg chính xác 1g	Cân vật liệu, thí nghiệm độ ẩm	Việt Nam	-	01 bộ	-

BAN XÂY DỰNG NĂNG LỰC
PHÒNG KỸ THUẬT
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số:
 Ký tên: tháng năm 20.....

Trần Văn Anh

Hà Nội, Ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập trạm thí nghiệm hiện trường sử dụng mã số LAS-XD91 công trình Gói thầu số: PR-2.1: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và mở rộng, kéo dài đường hẻm 150 – TP.Phan Rang – Pháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 208

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ xây dựng hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ hợp đồng thi công xây dựng công trình số 21/2019/HĐXL-MTBV ngày 27 tháng 11 năm 2019, Thi công xây lắp gói thầu PR-2.1: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và mở rộng, kéo dài đường hẻm 150; Dự án: Môi trường bền vững các tỉnh Duyên Hải – Tiểu dự án thành phố Phan Rang – Tháp Chàm (CCSEP) giữa Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh Ninh Thuận và Công ty Cổ phần 208;
- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần 208.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập trạm thí nghiệm hiện trường sử dụng mã số LAS-XD91 để phục vụ thi công Gói thầu số: PR-2.1: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và mở rộng, kéo dài đường hẻm 150 – TP.Phan Rang – Pháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Địa chỉ thành lập trạm thí nghiệm: Khu tái định cư Phan Đăng Lưu – Đường Phan Đăng Lưu – TP. Phan Rang – Tháp Chàm – Ninh Thuận;

Đại diện cho Công ty cổ phần 208, ông trưởng phòng thí nghiệm: Đặng Trọng Sơn thực hiện nhiệm vụ triển khai thi công theo đúng hợp đồng và theo đúng các tiêu chuẩn quy phạm xây dựng do Nhà nước ban hành, từ khi nhận nhiệm vụ đến khi công trình nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng;

Danh sách cán bộ tham gia thí nghiệm:

1. Ông: Đặng Trọng Sơn Chức vụ: Tp Thí nghiệm

2. Ông: Trần Văn Hùng Chức vụ: Phụ trách PTN hiện trường

3. Ông: Nguyễn Doãn Biên Chức vụ: Nhân viên

Danh sách thiết bị thí nghiệm:

STT	LOẠI DỤNG CỤ	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
	<u>I. Thí nghiệm về đất</u>		
1	Bộ sàng 200 – 0.075mm ; Tỷ trọng kế, cốc+chày sứ	01 bộ	
2	Tủ sấy 300°C	01 chiếc	
3	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy, dẻo	02 bộ	
4	Bộ đầm nén tiêu chuẩn và đầm nén cải tiến	02 bộ	
5	Dụng cụ thí nghiệm dung trọng	01 bộ	
6	Bình tỷ trọng đất	01 bộ	
7	Máy nén CBR + 06 bộ khuôn	01 bộ	
8	Bộ khuôn của thí nghiệm CBR và 1 tấm ép D=5cm, giá lắp đặt đồng hồ đo biến dạng chính xác đến 0.01. Máy nén	01 bộ	
	<u>II. Thí nghiệm vật liệu móng áo đường</u>		
9	Máy mài mòn LosAngeles+ bi sắt tiêu chuẩn	01 chiếc	
10	Thùng rửa đá, cát	02 chiếc	
11	Bộ thí nghiệm đương lượng cát	01 bộ	
12	Bộ thí nghiệm hàm lượng thoi dẹt	01 bộ	
13	Thùng chia mẫu	01 bộ	
	<u>III. Thí nghiệm BTN và hỗn hợp BTN</u>		
14	Dụng cụ xác định độ kim lún	01 bộ	
15	Máy đầm mẫu + máy nén Marshall	01 bộ	
16	Máy quay ly tâm	01 bộ	
17	Dụng cụ thí nghiệm nhiệt độ hoá mềm nhựa	01 bộ	
18	Thiết bị đúc mẫu marsall+ đẩy mẫu	01 bộ	
19	Lò nung + bát nung	01 bộ	
20	Thùng hấp mẫu		
21	Máy hút chân không	01 bộ	
22	Nhiệt kế các loại		
	<u>IV. Thí nghiệm về BTXM và Thép</u>		
23	Bàn rung + khuôn đúc mẫu (15x15x15)cm, khuôn vữa (7x7x7)cm	01 bộ	

24	Máy trộn BTXM 250l	1 chiếc	
25	Côn thử độ sụt BT	02 bộ	
26	Thùng dưỡng hộ mẫu	01 bộ	
27	Máy nén BT 200 tấn	01 chiếc	
28	Máy kéo nén đa năng, kéo uốn thép WB - 1000kN	01 chiếc	
	<u>V. Các trang thiết bị hiện trường và các trang thiết bị khác</u>		
29	Phễu rót cát	02 bộ	
30	Dụng cụ đo độ nhám mặt đường	01 bộ	
31	Bộ thí nghiệm đốt côn + dao đai	01 bộ	
32	Máy khoan mẫu, đường kính 105mm	01 bộ	
33	Thước phẳng 3m	01 bộ	
34	Tấm tôn mỏng		
35	1 Kịch gia tải 15 tấn; tấm ép D=33cm, 1 giá mắc thiên phân kế, 6 thiên phân kế.	01 bộ	
36	Các loại ống đong (10,50,100,200,500,1000)ml	01 bộ	
37	Cân cơ 311g chính xác 0.01 g Cân cơ 2610g chính xác 0.01g Cân điện 30 kg chính xác 0.1g Cân điện từ 6 kg chính xác 1g	01 bộ	

Điều 2. Các Ông, Bà có tên trên, có nhiệm vụ và chịu trách nhiệm bảo vệ thiết bị, thí nghiệm vật liệu Công trình Gói thầu số: PR-2.1: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và mở rộng, kéo dài đường hẻm 150 – TP.Phan Rang – Pháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, đúng theo các Thông tư, Nghị định hiện hành của Nhà nước và các danh mục phép thử tại điều 1 của quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ đầu tư;
- Tư vấn giám sát;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

BÁO CÁO

Kiểm tra phòng thí nghiệm hiện trường cho gói thầu PR-2.1 “Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và mở rộng kéo dài đường hầm 150”

Kính gửi: Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình;

Căn cứ Nghị định 62/2016 NĐ/CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Căn cứ Hợp đồng thi công xây lắp số 21/2019/HĐ-TCXD ngày 27/11/2019 giữa Ban xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh Ninh Thuận và Công ty Cổ phần 208;

Căn cứ tờ trình số 05/BĐH-PR-2.1 ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần 208 về việc trình phòng thí nghiệm gói thầu PR-2.1 xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và Mở rộng, kéo dài đường Hầm 150 thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải- Tiểu dự án thành phố Phan Rang- Tháp Chàm;

Ban quản lý dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải- Tiểu dự án thành phố Phan Rang- Tháp Chàm kính trình Chủ đầu tư Báo cáo đánh giá năng lực phòng thí nghiệm hiện trường do công ty cổ phần 208 đệ trình với những nội dung như sau:

1. Thông tin đơn vị:

- Tên công ty: Cổ phần 208.
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và công trình.
- Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 91

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 12/GCN-BGTVT do bộ giao thông vận tải ngày 22/5/2019

2. Thông tin năng lực của phòng thí nghiệm:

Phòng thí nghiệm vật liệu và công trình của công ty cổ phần 208 có Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 91; có địa chỉ tại Số 24, ngõ 55, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội có đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 12/GCN-BGTVT ngày 22/5/2019.

3. Thông tin năng lực nhân sự của phòng thí nghiệm:

a. Trưởng phòng thí nghiệm:

- Ông Đặng Trọng Sơn là kỹ sư xây dựng cầu đường có đủ năng lực thực hiện thí nghiệm có chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên số 03.130.19/VKHCN-TNV do Viện khoa học và công nghệ giao thông vận tải cấp ngày 22/5/2019;

b. Thí nghiệm viên:

- Ông Trần Văn Hùng là kỹ sư xây dựng cầu đường có đủ năng lực thực hiện thí nghiệm có bằng nghề đào tạo thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường ô tô số 00426750 do trường cao đẳng giao thông vận tải cấp ngày 20/5/2004.

- Ông Nguyễn Doãn Biên là cử nhân cao đẳng xây dựng cầu đường có đủ năng lực thực hiện thí nghiệm có chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên số 08.130.19/VKHCN-TNV do Viện khoa học và công nghệ giao thông vận tải cấp ngày 22/5/2019.

5. Kết luận và Kiến nghị:

Từ những nội dung phân tích trên, Phòng thí nghiệm vật liệu và công trình của công ty cổ phần 208 đảm bảo đủ điều kiện năng lực để thực hiện công tác thí nghiệm tại hiện trường cho gói thầu PR-2.1. Ban quản lý dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải- Tiểu dự án thành phố Phan Rang- Tháp Chàm báo cáo đến Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước xem xét, quyết định./.

(đính kèm hồ sơ năng lực phòng thí nghiệm LAS-XD 91).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GE (Scan);
- Phòng Kỹ thuật;
- Ban QLDA CSEP (05b);
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**


Trần Vĩnh Phúc

Số: 03/BC-KT

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra hồ sơ pháp lý Phòng thí nghiệm LAS-XD91 thực hiện công tác thí nghiệm vật liệu và kiểm định công trình gói thầu PR-2.1 xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và Mở rộng, kéo dài đường Hẻm 150

Kính gửi: Lãnh đạo Ban xây dựng năng lực

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ pháp lý Phòng thí nghiệm LAS-XD91 thực hiện công tác thí nghiệm vật liệu và kiểm định công trình gói thầu PR-2.1 xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và Mở rộng, kéo dài đường Hẻm 150 thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Phòng Kỹ thuật thẩm định báo cáo nội dung như sau:

I. CĂN CỨ KIỂM TRA

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình;

Căn cứ Nghị định 62/2016 NĐ/CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

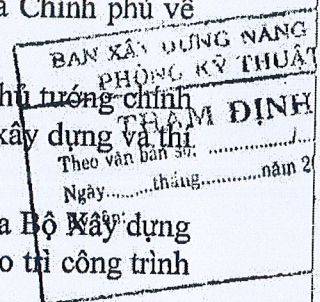
Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Căn cứ Hợp đồng thi công xây lắp số 21/2019/HĐXL-MTBV ngày 27/11/2019, Giữa Ban xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh Ninh Thuận và Công ty Cổ phần 208;

Căn cứ Văn bản số 05/BĐH-PR2.1 ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần 208 về việc Trình phòng thí nghiệm gói thầu PR-2.1 xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và Mở rộng, kéo dài đường Hẻm 150 thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ GÓI THẦU

1. Tên gói thầu PR-2.1: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu



[Handwritten signature]

Đăng Lưu và Mở rộng, kéo dài đường Hẻm 150 thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Sau khi kiểm tra phù hợp các quy định hiện hành, đủ điều kiện triển khai thực hiện.

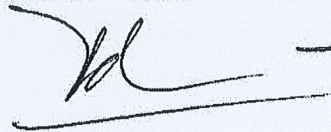
Ban QLDAMTBV tham mưu ban hành văn bản chấp thuận gửi nhà thầu làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Phòng Kỹ thuật Báo cáo kết quả kiểm tra đến Lãnh đạo xem xét chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

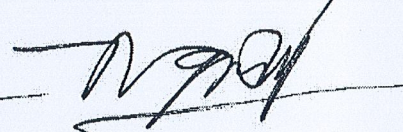
- Như trên;
- Ban Giám đốc (scan);
- Ban QLDAMTBV;
- Phòng KT-TĐ;
- Lưu VT.

NGƯỜI BÁO CÁO



Võ Thành Đô

TRƯỞNG PHÒNG



Đoàn Ngọc Sỹ

ỤC

Ninh Thuận, ngày 9 tháng 1 năm 2020

BÁO CÁO

Kiểm tra phòng thí nghiệm hiện trường cho gói thầu PR-2.1 “ Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và mở rộng kéo dài đường hầm 150”

Kính gửi: Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình;

Căn cứ Nghị định 62/2016 NĐ/CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Căn cứ Hợp đồng thi công xây lắp số 21/2019/HĐ-TCXD ngày 27/11/2019 giữa Ban xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh Ninh Thuận và Công ty Cổ phần 208;

Căn cứ tờ trình số 05/BĐH-PR-2.1 ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần 208 về việc trình phòng thí nghiệm gói thầu PR-2.1 xây dựng hạ tầng khu tái định cư Phan Đăng Lưu và Mở rộng, kéo dài đường Hầm 150 thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải- Tiểu dự án thành phố Phan Rang-Tháp Chàm;

Ban quản lý dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải- Tiểu dự án thành phố Phan Rang- Tháp Chàm kính trình Chủ đầu tư Báo cáo đánh giá năng lực phòng thí nghiệm hiện trường do công ty cổ phần 208 đệ trình với những nội dung như sau:

1. Thông tin đơn vị:

- Tên công ty: Cổ phần 208.

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và công trình.

- Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 91

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 12/GCN-BGTVT do bộ giao thông vận tải ngày 22/5/2019

2. Thông tin năng lực của phòng thí nghiệm:

Phòng thí nghiệm vật liệu và công trình của công ty cổ phần 208 có Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 91; có địa chỉ tại Số 24, ngõ 55, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội có đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 12/GCN-BGTVT ngày 22/5/2019.

3. Thông tin năng lực nhân sự của phòng thí nghiệm:

a. Trưởng phòng thí nghiệm:

- Ông Đặng Trọng Sơn là kỹ sư xây dựng cầu đường có đủ năng lực thực hiện thí nghiệm có chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên số 03.130.19/VKHCN-TNV do Viện khoa học và công nghệ giao thông vận tải cấp ngày 22/5/2019;

b. Thí nghiệm viên:

- Ông Trần Văn Hùng là kỹ sư xây dựng cầu đường có đủ năng lực thực hiện thí nghiệm có bằng nghề đào tạo thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường ô tô số 00426750 do trường cao đẳng giao thông vận tải cấp ngày 20/5/2004.

- Ông Nguyễn Doãn Biên là cử nhân cao đẳng xây dựng cầu đường có đủ năng lực thực hiện thí nghiệm có chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên số 08.130.19/VKHCN-TNV do Viện khoa học và công nghệ giao thông vận tải cấp ngày 22/5/2019.

5. Kết luận và Kiến nghị:

Từ những nội dung phân tích trên, Phòng thí nghiệm vật liệu và công trình của công ty cổ phần 208 đảm bảo đủ điều kiện năng lực để thực hiện công tác thí nghiệm tại hiện trường cho gói thầu PR-2.1. Ban quản lý dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải- Tiểu dự án thành phố Phan Rang- Tháp Chàm báo cáo đến Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước xem xét, quyết định./.

(đính kèm hồ sơ năng lực phòng thí nghiệm LAS-XD 91).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD (Scan);
- Phòng Kỹ thuật;
- Ban QLDA CSEP (05b);
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**


Trần Vĩnh Phúc

Phiếu kiểm tra số: 06 -VL-G4/KT

Mẫu số : 06

Bình Thuận, ngày 12 tháng 02 năm 2014

BIÊN BẢN KIỂM TRA PHÒNG THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG (LAS-XD 91)

Tên dự án : Dự án ĐTXDCT Mở rộng Quốc lộ 1 Đoạn Km1589+300 – Km1642+000 và Đoạn Km1692+000 – Km1720+800 Tỉnh Bình Thuận

Gói thầu : số 4 Mở rộng đoạn Km1623+00 – Km1631+300.

Hợp đồng : số 04/2013/HĐKT ngày 06 tháng 12 năm 2013.

Hạng mục công trình: Huy động phòng thí nghiệm hiện trường Gói thầu số 4 cho phần công việc thuộc Công ty Cổ phần ĐTPT & XDGT 208.

Đơn vị thi công: Liên danh Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Thương Mại 299 - Công ty CP ĐTPT & XDGT 208.

1. Tên và địa chỉ phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm hiện trường LAS-XD 91

Địa chỉ: Lý trình Km1627+200 QL1 (trái tuyến) thuộc xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

2. Thành phần tham gia kiểm tra phòng thí nghiệm:

- Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản Lý dự án 1

Ông: Đỗ Quốc Dân Chức vụ: PGĐ Phân ban phía Nam

Ông: Phan Trọng Tú Chức vụ: Chuyên viên

- Đại diện Tư vấn giám sát: Liên danh Công ty CP TVTK GTVT phía Nam – Trung tâm kỹ thuật đường bộ 5

Ông: Trương Ngọc Thu Chức vụ: Tư vấn giám sát trưởng

Ông: Lê Xuân Vũ Chức vụ: Kỹ sư vật liệu

- Đại diện nhà thầu thi công: Công ty CP ĐTPT & XDGT 208

Ông: Trần Đức Hạnh Chức vụ: Phó Ban điều hành

Ông: Chức vụ:

- Đại diện phòng thí nghiệm hiện trường LAS-XD 91

Ông: Đặng Trọng Sơn Chức vụ: Trưởng phòng thí nghiệm LAS-XD 91

Ông: Nguyễn Doãn Biên Chức vụ: Phụ trách phòng thí nghiệm hiện trường

3. Thời gian và địa điểm kiểm tra:

- Bắt đầu:, ngày 12., tháng 02., năm 2014

- Kết thúc:, ngày 12., tháng 02., năm 2014

- Địa điểm: Phòng thí nghiệm hiện trường LAS-XD 91 - Công ty Cổ phần ĐTPT & XDGT 208

4. Nội dung kiểm tra:

4.1. Tổ chức quản lý:

Các căn cứ:

- Quyết định thành lập phòng thí nghiệm số 1294/QĐ/TC-HC ngày 27/11/2003 của Công ty Công trình Giao thông 208 (nay là Công ty CP ĐTPT & XDGT 208);

- Quyết định công nhận năng lực thực hiện các phép thử và phương pháp thử số 329/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2014 của Bộ Giao thông Vận tải;

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 1**

Số: 336 /PM.1-KTCN

V/v: Chấp thuận Phòng thí nghiệm hiện trường, Gói thầu số 04, dự án mở rộng QL1 các đoạn Km1589+300 - Km1642+00 và Km1692+00 - Km1720+800, tỉnh Bình Thuận.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Kính gửi: Liên danh công ty cổ phần và thương mại 299 -
Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng giao thông 208

Căn cứ Hợp đồng số 04/2013/HĐXD giữa Ban Quản lý dự án 1 và Liên danh công ty cổ phần và thương mại 299 - Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng giao thông 208 về việc thi công gói thầu số 4 (Mở rộng đoạn Km1623+000 - Km1631+300) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 các đoạn Km1589+300 - Km1642+000 và Km1692+000 - Km1720+800, tỉnh Bình Thuận.

Trên cơ sở Biên bản kiểm tra phòng thí nghiệm hiện trường LAS-XD406 và LAS-XD91 gói thầu số 04 ngày 14/02/2014 (thành phần kiểm tra bao gồm: đại diện Ban QLDA1, tư vấn giám sát và Nhà thầu thi công), Ban QLDA1 có ý kiến như sau:

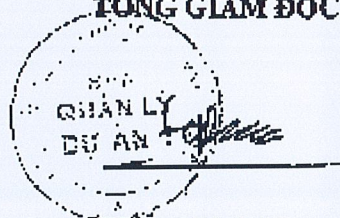
- Chấp thuận phòng thí nghiệm hiện trường gói thầu số 4, đoạn Km1623+000 - Km1631+300 phòng thí nghiệm LAS-XD406 và LAS-XD91 phục vụ công tác thi nghiệm các hạng mục về đất, vật liệu móng, áo đường;
- Các phép thử theo chỉ dẫn kỹ thuật của dự án phòng thí nghiệm hiện trường còn thiếu (chi tiết như phụ lục Biên bản kiểm tra hiện trường nêu trên), đề nghị Liên danh công ty cổ phần và thương mại 299 - Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng giao thông 208 huy động bổ sung theo cam kết ghi trong Biên bản hiện trường, đảm bảo tiến độ của dự án.

Đề nghị Nhà thầu thi công nghiêm túc thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTGD Lương Quang Thanh (để V);
- PBPN; Phòng KH;
- Lưu VP; KTCN.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Đình Phúc

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 1**

Số: 1612 /PMU.1-KTCN

V/v: Chấp thuận Phòng thí nghiệm hiện trường, Gói thầu số 4, dự án mở rộng QL1 các đoạn Km1589+300 – Km1642+000 và Km1692+000 – Km1720+800, tỉnh Bình Thuận.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2014

Kính gửi: Liên danh Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại 299 – Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng giao thông 208

Căn cứ Hợp đồng số 04/2013/HĐXD ngày 06/12/2013 giữa Ban Quản lý dự án 1 và Liên danh Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại 299 - Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng giao thông 208 về việc thi công gói thầu số 4 (Mở rộng đoạn Km1623+000 – Km1631+300) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 các đoạn Km1589+300 – Km1642+000 và Km1692+000 – Km1720+800, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 20/02/2014, Ban QLDA1 đã có Văn bản số 336/PMU.1-KTCN về việc chấp thuận Phòng thí nghiệm hiện trường LAS-XD406 và LAS-XD91 phục vụ công tác thí nghiệm các hạng mục về đất, vật liệu móng áo đường gói thầu số 4.

Trên cơ sở Biên bản kiểm tra phòng thí nghiệm hiện trường LAS-XD406 và LAS-XD91 ngày 18/3/2014 (thành phần kiểm tra gồm: đại diện Ban QLDA1, Tư vấn giám sát, Nhà thầu thi công và đại diện Phòng thí nghiệm), Ban QLDA1 có ý kiến như sau:

- Chấp thuận phòng thí nghiệm hiện trường LAS-XD406 và LAS-XD91 phục vụ các công tác thí nghiệm cho gói thầu xây lắp số 4 dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 các đoạn Km1589+300 – Km1642+000 và Km1692+000 – Km1720+800, tỉnh Bình Thuận;

- Một số phép thử theo chỉ dẫn kỹ thuật của dự án phòng thí nghiệm còn thiếu (chi tiết như trong Biên bản kiểm tra), đề nghị Liên danh Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại 299 – Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng giao thông 208 huy động bổ sung theo cam kết ghi trong Biên bản kiểm tra, đảm bảo tiến độ dự án.

Đề nghị Nhà thầu thi công nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu VP, KH, PBP; KTCN.

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lương Quang Thanh

Bắc Kạn, ngày 13 tháng 12 năm 2017

BIÊN BẢN KIỂM TRA TRẠM TRỘN BÊ TÔNG NHỰA

1. Đối tượng nghiệm thu:

Dự án: Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn

Gói thầu số 10: Thảm bê tông nhựa và xây dựng hệ thống an toàn giao thông các gói thầu số 6,7 thuộc tuyến tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và gói thầu số 8,9 thuộc tuyến tránh Nà Phặc.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh

- Ông: Nguyễn Ngọc Báu Chức vụ: Điều hành dự án
- Ông: Nguyễn Việt Dũng Chức vụ: Điều hành dự án
- Ông: Hoàng Văn Lâm Chức vụ: Chuyên viên Ban QLDA
- Ông: Phùng Anh Tuấn Chức vụ: Chuyên viên Ban QLDA

2.1. Đại diện Tư vấn giám sát: Công ty DINVAI CUBA

- Ông: Arnaldo Rogelio cruz lazo Chức vụ: Kỹ sư thường trú
- Ông: Phạm Hồng Khánh Chức vụ: Phó kỹ sư thường trú
- Ông: Nguyễn Văn Tuấn Chức vụ: Kỹ sư vật liệu

2.3. Đại diện Nhà thầu thi công: Công ty CP đầu tư phát triển và xây dựng giao thông 208

- Ông: Hoàng Kim Thắng Chức vụ: Phó giám đốc
- Ông: Đặng Trọng Sơn Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trường

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu:, ngày 13 tháng 12 năm 2017
- Kết thúc:, ngày 13 tháng 12 năm 2017
- Tại: Trạm trộn BTN

4. Nội dung kiểm tra :

4.1. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu;
- Quyết định số 2210/QĐ-BGTVT ngày 28/07/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 10: Thảm bê tông nhựa và xây dựng hệ thống an toàn giao thông các gói thầu số 6,7 thuộc tuyến tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và gói thầu số 8,9 thuộc tuyến tránh Nà Phặc thuộc Dự án: Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn.
- Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 199/2017/HĐTC-Đ ngày 28 tháng 08 năm 2017 giữa Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh và Liên danh công ty CP ĐTPT & XDGT 208 – Công ty CP Trung Thành Việt Nam về việc thi công xây dựng Gói thầu số 10: Thảm bê tông nhựa và xây dựng hệ thống an toàn giao thông các gói thầu số 6,7 thuộc tuyến tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và gói thầu số 8,9 thuộc tuyến tránh Nà Phặc ;

- Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật kèm theo dự án.
- Hồ sơ nhân sự ban chỉ huy công trường của nhà thầu thi công.
- Các tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng hiện hành liên quan đến đối tượng thiết bị kiểm tra.
- Hồ sơ xuất xứ, chứng chỉ kỹ thuật xuất xứ, kết quả kiểm định kỹ thuật của đối tượng thiết bị kiểm tra;
- Văn bản khác có liên quan.

4.2. Kết quả kiểm tra :

- Công suất trạm trộn 160 tấn/h ;
- Các máy móc thiết bị tại trạm trộn BTN đã được kiểm định và vẫn còn thời hạn kiểm định (Thời hạn đến tháng 12/2018). Các máy móc đã được kiểm định gồm có :

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả đánh giá	Ghi chú
1	Mặt bằng, kho chứa, khu vực tập kết 8000 m ²	Tốt, đầy đủ, thoát nước.	
2	Xiclo chứa bột khoáng	Tốt đảm bảo độ khô ráo vì là chu trình khép kín.	
3	Khu vực đùn, chứa nhựa đường	Các téc kín, hoạt động theo chu trình khép kín.	
4	Phếu cốt liệu nguội, cốt liệu nóng	Hoạt động tốt, có mái che đầy đủ.	
5	Hệ thống băng tải	Hoạt động tốt	
6	Hệ thống khí nén	Hoạt động tốt	
7	Hệ thống lọc bụi, hút bụi, xử lý chống ô nhiễm môi trường	Tốt, đảm bảo VSMT	
8	Hệ thống sàng	Tốt, đảm bảo cấp phối trộn theo thiết kế thành phần	
9	Hệ thống cân bằng định lượng, hệ thống cân nhựa	Tốt, đảm bảo độ ổn định và chính xác	
10	Cabin điều khiển, phần cứng, phần mềm định lượng và điều khiển	Đầy đủ, hoạt động tốt, chính xác	

- Có một máy xúc lật phục vụ việc cấp cốt liệu cho trạm trộn.
- Có máy phát điện 800 KVA phục vụ hoạt động trạm trộn.
- Nhân sự bố trí cho trạm trộn gồm 01 trạm trưởng và 04 nhân viên điều khiển dây chuyền máy móc, có thao tác thành thạo trong quá trình vận hành.

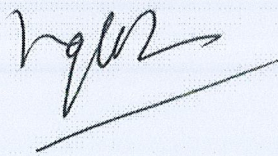
[Handwritten signature]

- Có bãi tập kết vật liệu khoảng 6000m².

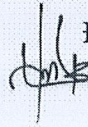
4.4. Các ý kiến khác (nếu có): Không

5. Kết luận và kiến nghị:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ




ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT



KỸ SƯ THƯỜNG TRÚ
ARNALDOROGELIO CRUZ LAZO

CÔNG TY CP ĐTPT & XDGT 208



Dương Sơn

LIÊN DANH CÔNG TY CP ĐTPT & XDGT 208
— CÔNG TY CP TRUNG THÀNH VIỆT NAM

Số : 6.3/ KT

(V/v: Đề trình báo cáo thi công rải thử và chấp thuận rải đại trà BTNC 12,5 - Gói thầu số 10)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 09 tháng 07 năm 2018

Kính gửi : BAN QLDA ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH
TVGS – CÔNG TY DINVAI CUBA

- Căn cứ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 199/2017/HĐTC-Đ ngày 28 tháng 08 năm 2017 giữa Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh và Liên danh công ty CP ĐTPT & XDGT 208 – Công ty CP Trung Thành Việt Nam về việc thi công xây dựng Gói thầu số 10: Thảm bê tông nhựa và xây dựng hệ thống an toàn giao thông các gói thầu số 6,7 thuộc tuyến tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và gói thầu số 8,9 thuộc tuyến tránh Nà Phặc thuộc Dự án:Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn.

- Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án.
- Căn cứ vào bản vẽ thi công đã được phê duyệt.
- Căn cứ vào đề cương rải thử BTNC 12,5 đã được chấp thuận.

Nhà thầu thi công xin đề trình báo cáo thi công rải thử BTNC12,5 cho Gói thầu số 10: Thảm bê tông nhựa và xây dựng hệ thống an toàn giao thông các gói thầu số 6,7 thuộc tuyến tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và gói thầu số 8,9 thuộc tuyến tránh Nà Phặc thuộc Dự án:Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn.

(Đính kèm báo cáo thi công rải thử BTNC 12,5)

Nhà thầu kính trình Ban QLDA đường Hồ Chí Minh và Tư vấn giám sát xem xét chấp thuận : Công thức chế tạo hỗn hợp BTNC 12,5 và thi công rải đại trà BTNC 12,5 để Nhà thầu triển khai các công việc tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu LD.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
VÀ XÂY DỰNG
GIAO THÔNG
208
KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Vũ Hoàng Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ THI CÔNG RẢI THỬ BTNC 12,5

I. Căn cứ áp dụng:

- Căn cứ nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 199/2017/HĐTC-Đ ngày 28 tháng 08 năm 2017 giữa Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh và Liên danh công ty CP ĐTPT & XDGT 208 – Công ty CP Trung Thành Việt Nam về việc thi công xây dựng Gói thầu số 10: Thảm bê tông nhựa và xây dựng hệ thống an toàn giao thông các gói thầu số 6,7 thuộc tuyến tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và gói thầu số 8,9 thuộc tuyến tránh Nà Phặc thuộc Dự án: Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn;
- Căn cứ vào Đề cương thi công rải thử BTN do đơn vị thi công lập đã được TVGS chấp thuận.
- Căn cứ chỉ dẫn kỹ thuật của dự án.
- Căn cứ công thức trộn hỗn hợp BTNC12,5 giai đoạn thiết kế điều chỉnh.
- Căn cứ vào kết quả thí nghiệm các chỉ tiêu theo quy định hạng mục BTNC 12,5 tại đoạn rải thử của đơn vị thi công.

II. Vị trí rải thử:

- Đoạn: Km4+48,66 – Km4+173,21 thuộc đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn.
- Chiều dài đoạn rải thử: $L = 124,55$ m, chiều rộng $B = 8$ m.

III. Thời gian thực hiện:

- Thời gian bắt đầu : 08h00' ngày 04 tháng 07 năm 2018.
- Thời tiết tốt: Nhiệt độ 25°C, trời nắng, gió nhẹ.

IV. Nhân sự và thiết bị thi công:

1. Nhân sự :

TT	Nhân sự	Số lượng	Ghi chú
1	Chỉ huy trưởng công trường	01	Theo dõi chỉ đạo
2	Kỹ sư phụ trách kỹ thuật thi công	03	Trực tiếp chỉ đạo thi công, ghi chép, tính toán sử lý số liệu.
3	Kỹ sư phụ trách đo đạc, thí nghiệm	02	Đo đạc và thí nghiệm
4	Kỹ sư phụ trách ATLĐ	01	
5	Kỹ sư phụ trách xe máy thi công	01	
6	Đội ngũ công nhân lái máy	07	
7	Công nhân kỹ thuật	10	
8	Lao động phổ thông	10	

2. Thiết bị thi công:

TT	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy rải BTN Vogeles Supper 1900-2	Cái	01	Tại vị trí rải thử
2	Máy lu 2 bánh thép 9 tấn	Cái	01	Tại vị trí rải thử
3	Máy lu bánh lốp 25 tấn	Cái	01	Tại vị trí rải thử
4	Máy lu 3 bánh thép 11 T	Cái	01	Tại vị trí rải thử
5	Máy nén khí phục vụ vệ sinh mặt đường	Cái	01	Tại vị trí rải thử
6	Ô tô tự đổ 12T	Cái	06	Tại vị trí rải thử
7	Máy thủy bình, kinh vĩ, thước thép thước dây	Cái	01	Tại vị trí rải thử
8	Thiết bị thí nghiệm	Bộ	02	Tại trạm trộn và vị trí rải thử

Toàn bộ thiết bị, máy móc, đang trong tình trạng tốt. Công nhân vận hành lành nghề và được bố trí đầy đủ theo thiết bị. Tất cả sẵn sàng thi công.

V. Quá trình thi công:

1. Nguồn vật liệu : Tất cả các vật liệu: Đá dăm, cát xay, nhũ tương đều được lấy mẫu kiểm tra, làm thí nghiệm đã chủ đầu tư và TVGS chấp thuận trước khi tiến hành sản xuất và rải thử hỗn hợp BTNC 12,5.

2. Công tác mặt bằng.

a. Mặt bằng:

- Khôi phục hệ thống tim tuyến, đỉnh đường cong, mốc cao độ, các điểm khống chế. Công tác này đã được Nhà thầu thực hiện từ trước và được Kỹ sư TVGS kiểm tra.

- Công tác đo đạc được tiến hành với máy thủy bình, kinh vĩ và thước. Bố trí trắc đạc thường xuyên trong quá trình thi công để kiểm tra cao độ và kích thước hình học.

- Bề mặt lớp móng trên đã được TVGS, CĐT nghiệm thu chuyên giai đoạn và được Nhà thầu vệ sinh sạch sẽ.

b. Tưới dính bóm thử:

- Tưới dính bóm bằng nhũ tương CRS-1 với tỷ lệ 0,5 kg/m² theo đúng thiết kế và được TVGS chấp thuận. Công tác tưới dính bóm được tiến hành trước khi thảm BTN tối thiểu 4h.

- Lắp đặt ván khuôn, hệ thống cáp căng dẫn hướng, xác định chiều dày lớp rải.

- Tất cả các công việc đều được tiến hành dưới sự giám sát của Kỹ sư TVGS.

3. Công tác thi công.

- Chế tạo hỗn hợp BTN tại trạm trộn:

+ Trạm trộn BTN 160T/h của Nhà thầu đặt tại thôn Nà Tò, thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn (Km3+800 QL 279). Toàn bộ trạm trộn, các loại vật liệu tập kết tại trạm phục vụ công tác chế tạo hỗn hợp BTN được chủ đầu tư và TVGS kiểm tra, chấp thuận trước khi tiến hành chế tạo hỗn hợp BTNC 12,5.

+ Hỗn hợp BTN được trộn theo đúng tỷ lệ cấp phối của Nhà thầu đã được TVGS chấp thuận.

+ Các thiết bị thí nghiệm cần thiết theo yêu cầu được chuẩn bị tại trạm trộn.

- Vận chuyển hỗn hợp BTN:

+ Hỗn hợp BTN được vận chuyển từ trạm trộn tới vị trí rải bằng ô tô tự đổ.

+ Công tác kiểm tra nhiệt độ hỗn hợp từ phễu trạm trộn xuống thùng xe ô tô đến khi vận chuyển tới vị trí rải được kiểm tra nghiêm ngặt đảm bảo đều lớn hơn 130 độ C đủ điều kiện thi công.

- Rải hỗn hợp BTN:

+ Tiến hành rải tại Km4+48,66 – Km4+173,21 đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn, diện tích đoạn là $S = 996,4 \text{ m}^2$;

+ Hỗn hợp BTN được rải bằng máy rải chuyên dụng.

+ Thống kê nhiệt độ BTN trong quá trình thi công: Nhiệt độ rải; Nhiệt độ lúc bắt đầu lu; Nhiệt độ bề mặt lớp khi kết thúc lu lên (Xem Phiếu theo dõi công tác thi công BTN)

+ Trong quá trình rải nhà thầu liên tục kiểm tra bề dày lớp BTN bằng thước sắt để kịp thời điều chỉnh đảm bảo độ bằng phẳng và chiều dày kết cấu theo thiết kế.

+ Trong quá trình thi công rải thử, TVGS, đơn vị thí nghiệm đã lấy mẫu về phòng kiểm tra các chỉ tiêu: Hàm lượng nhựa, độ bền marshall, thành phần hạt.

- Các phân đoạn rải thử và kiểm tra bao gồm, đoạn 1: Km4+48,66 – Km4+108,66 với chiều dày rải 6,2 cm với hệ số rải dự kiến 1,24; đoạn 2: Km4+108,66 – Km4+173,21 với chiều dày rải 6,2 cm với hệ số rải dự kiến 1,24.

- Sơ đồ lu các đoạn thi công rải thử như sau:

+ Đoạn 1: Km4+48,66 – Km4+108,66

* Lu 2 bánh sắt 9T lu 2-4 lượt/1 điểm, lu chấn động 2 lượt/ 1 điểm.

Tốc độ lu trung bình 2 - 4 Km/h.

* Lu bánh lốp 25T lu 20 lượt/1 điểm.

Tốc độ lu trung bình 3 - 5 Km/h.

* Lu 3 bánh sắt 11T lu phẳng 4-6 lượt/1 điểm.

Tốc độ lu trung bình 4 - 6 Km/h.

Hệ số lu lên 1,24 chiều dày trước khi lu lên 6,2 cm, chiều dày sau khi lu lên đạt 5,0cm.

+ Đoạn 2: Km4+108,66 – Km4+173,21

* Lu 2 bánh sắt 9T lu 2-4 lượt/1 điểm, lu chấn động 2 lượt/ 1 điểm.

Tốc độ lu trung bình 2 - 4 Km/h.

* Lu bánh lốp 25T lu 18 lượt/1 điểm.

Tốc độ lu trung bình 3 - 5 Km/h.

* Lu 3 bánh sắt 11T lu phẳng 4-6 lượt/1 điểm.

Tốc độ lu trung bình 4 - 6 Km/h.

Hệ số lu lèn 1,24 chiều dày trước khi lu lèn 6,2 cm, chiều dày sau khi lu lèn đạt 5,1cm.

4. Kết quả thi công rải thử:

- Các kết quả về cao độ, kích thước hình học, độ bằng phẳng lớp bê tông nhựa đều đạt yêu cầu (có các bảng đo kèm theo).

- Các kết quả của mẫu khoan và các chỉ tiêu thí nghiệm và kiểm tra vết hằn lún bánh xe của mẫu BTN lấy tại hiện trường đều đạt yêu cầu (có kết quả thí nghiệm kèm theo).

VI. Công tác đảm bảo giao thông, VSMT, ATLĐ:

- Trong quá trình thi công Nhà thầu bố trí đầy đủ các loại biển báo và cọc tiêu tạm. Bố trí người cảnh giới và hướng dẫn giao thông tại hai đầu đoạn thi công

- Cán bộ, công nhân tham gia thi công được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thiết bị thi công hoạt động tốt, đảm bảo an toàn. Công nhân vận hành và LĐPT được hướng dẫn đầy đủ cụ thể.

VII. Đánh giá, nhận xét.

Trên cơ sở kết quả thi công thí điểm, Nhà thầu đề xuất dùng sơ đồ lu như sau:

* Lu 2 bánh sắt 9T lu 2-4 lượt/1 điểm, lu chấn động 2 lượt/ 1 điểm.

Tốc độ lu trung bình 2 - 4 Km/h.

* Lu bánh lốp 25T lu 20 lượt/1 điểm.

Tốc độ lu trung bình 3 - 5 Km/h.

* Lu 3 bánh sắt 11T lu phẳng 4-6 lượt/1 điểm.

Tốc độ lu trung bình 4 - 6 Km/h.

Hệ số lu lèn 1,24.

- Nhà thầu đã hoàn thành công tác sản xuất thử và rà soát hỗn hợp BTNC 12.5 thuộc Gói thầu số 10: Thảm bê tông nhựa và xây dựng hệ thống an toàn giao thông các gói thầu số 6,7 thuộc tuyến tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và gói thầu số 8,9 thuộc tuyến tránh Nà Phặc thuộc Dự án: Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn.

Trên đây là nội dung báo cáo rà soát lớp BTNC 12.5 Nhà thầu kính đề nghị Ban QLDA đường Hồ Chí Minh, TVGS xem xét chấp thuận đây chuyển thi công thảm BTN, sơ đồ lu để Nhà thầu có cơ sở triển khai thi công đại trà và đẩy nhanh tiến độ của dự án.

Bắc Kạn, ngày 9 tháng 07 năm 2018

TƯ VẤN GIÁM SÁT

Quý khách của TVGS:

- Kiểm tra rà soát BTNC 12.5 phân đoạn Km 4+048.66+ Km 4+173.21 (đoạn tránh Ngân Sơn) đạt yêu cầu.
- Công trình công trình chế tạo BTNC 19 và biện pháp thi công theo hồ sơ rà soát do Nhà thầu đề xuất để vận hành Nhà thầu thi công BTNC 12.5 đạt kết quả bảo đảm độ bền.

KỸ SƯ THƯỜNG TRÚ
ARNALDOROGELIO CRUZ LAZO

NHÀ THẦU THI CÔNG



KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Vũ Hoàng Long

Số 608 /VP-TVGS
V/v chấp thuận công thức chế tạo
BTNC19

Ngân Sơn, ngày 03 tháng 05 năm 2018

Kính gửi: Công ty Cổ phần ĐTPT & XDGT 208

- Căn cứ vào khung tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án đầu tư xây dựng đường HCM đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn;

- Căn cứ vào thư trình số 40/KT ngày 02 tháng 05 năm 2018 của Nhà thầu về đề trình báo cáo thi công rải thử và chấp thuận rải đại trà BTNC19;

- Căn cứ vào hồ sơ TKBVTC được duyệt; hồ sơ vật liệu đầu vào và kết quả thi công rải thử BTNC19 phân đoạn Km0+340 – Km0+540 (đoạn tránh Nà Phặc);

- Căn cứ vào chỉ dẫn kỹ thuật của dự án và các quy trình thi công BTN hiện hành.

Sau khi xem xét và kiểm tra Tư vấn giám sát dự án ĐTXD đường HCM đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn chấp thuận công thức chế tạo cho 1 tấn BTNC19 như sau:

Đá 19x25 mm Mỏ đá Cốc Ngạn - Bắc Kạn	Đá 12.5x19 mm Mỏ đá Cốc Ngạn - Bắc Kạn	Đá 4.75x9.5 mm Mỏ đá Cốc Ngạn - Bắc Kạn	Đá 0x4.75mm và cát xay Hợp Tiến - Hà Nam	Bột khoáng Kiện Khê - Hà Nam	Nhựa đường Puma Malaysia
105 Kg	230 Kg	259 Kg	326 Kg (Cát xay Hợp Tiến 100kg)	38 Kg	42 Kg

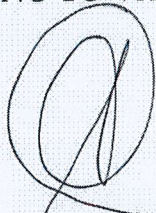
Trong quá trình thi công yêu cầu nhà thầu tuân thủ công thức chế tạo trên, thường xuyên lấy mẫu tần suất kiểm tra chất lượng vật liệu và BTN theo tiêu chuẩn của dự án. Khi có sự thay đổi chất lượng vật liệu hoặc chất lượng BTN yêu cầu nhà thầu điều chỉnh công thức chế tạo BTN trình TVGS thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- B/c Ban QLDA Đường HCM
- Lưu VP TVGS

VĂN PHÒNG TƯ VẤN GIÁM SÁT


**KY SƯ THƯƠNG TRÚ
ARNALDO ROGELIO CRUZ LAZO**